



VG PIPE®

ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE.J.S.C



BÁO CÁO | **2021**
THƯỜNG NIÊN

ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU



VG PIPE

ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC

01 THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT VG PIPE

02 THÔNG TIN CHUNG VỀ VG PIPE

03 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

04 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

05 BÁO CÁO CỦA HĐQT

06 BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

07 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các đơn vị đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên (CBNV)

Năm 2021, làn sóng Covid-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong bối cảnh dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc tạm ngừng đóng cửa. Hàng loạt người lao động phải trở về quê vì không có việc làm và ngành thép cũng bị ảnh hưởng rất lớn trong đó VGS cũng không nằm ngoài lệ.

Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Thép Việt Đức vẫn kiên định đi theo chiến lược kinh doanh tập trung vào 2 mảng chính:

- (1) Tập trung chính vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh Ống thép; Tôn mạ kẽm và Thép xây dựng;
- (2) Tập trung triển khai Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City. Chính sự kiên định đó đã giúp VGS giữ vững tốc độ phát triển và hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Ngoài ra, Thép Việt Đức luôn giữ cho mình những nguyên tắc vàng trong sản xuất kinh doanh:

- (1) Chuyên nghiệp - Tiêu chuẩn hóa là Giá trị cốt lõi;
- (2) Đoàn kết - Hợp tác tạo nên Sức mạnh;
- (3) Nâng cao Chất lượng là yếu tố làm nên Giá trị thương hiệu;
- (4) Tận tâm - Uy tín với tất cả các khách hàng, đối tác chính là Giá trị bền vững;
- (5) Lợi nhuận - Hiệu quả là Giá trị căn bản và đảm bảo nguyên tắc 3 nhất: Chất lượng tốt nhất; Giá bán hợp lý nhất; Dịch vụ hoàn hảo nhất.

Bước sang năm 2022, trong bối cảnh xã hội tiếp tục duy trì trạng thái bình thường mới, Thép Việt Đức tiếp tục theo đuổi mục tiêu tăng trưởng quy mô bền vững trong lĩnh vực sản xuất thép, duy trì và tạo dựng mối quan hệ chiến lược với các đối tác, khách hàng, cải thiện mức phúc lợi, an sinh xã hội cho người lao động và luôn làm tròn trách nhiệm với cổ đông, với cộng đồng.

Tất cả những điều này sẽ có thể được hiện thực hóa khi có sự hợp tác nhất quán giữa một bộ máy quản trị chính trực, liêm khiết, một đội ngũ cán bộ công nhân viên trung thành, nhiệt huyết và đặc biệt là những Quý Cổ đông của Thép Việt Đức, những người đã luôn đồng hành và hỗ trợ Công ty.

Thay mặt ban lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý Cổ đông, các đối tác và tập thể người lao động tại Thép Việt Đức - VGS, đã luôn tin tưởng và gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn


Thay mặt HĐQT






TRỤ SỞ CHÍNH

KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

 (+84) 211.3 887 863

 (+84) 211.3 888 562

 vgpipe.com.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch : CTCP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE
Tên tiếng Anh : Vietnam Germany Steel Pipe JSC
Tên viết tắt : VG PIPE
Số ĐKKD : 2500267703
Cấp ngày : 31/01/2007
Đơn vị cấp : Sở KH và ĐT Tỉnh Vĩnh Phúc
Vốn điều lệ : 421.115.890.000 đồng.
Trụ sở chính : KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211. 3887 863
Fax : 0211. 3888562
Website : vgpipe.com.vn
Tài khoản : 4261 00000 55252
Tại NH : BIDV – CN Phúc Yên
Mã số thuế : 2500267703
Biểu tượng Công ty:



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu : VGS
Sàn niêm yết : HNX
Ngày niêm yết : Tháng 12/2008
Số cổ phần : 42.111.589 cổ phần

THÔNG TIN TRỤ SỞ CHÍNH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Trụ sở chính

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, TT Đạo Đức, huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà SIMCO, 28 Phạm Hùng, Nam
Từ Liêm, Hà Nội.

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A, Hòa Châu, Hòa Vang, Đà Nẵng

Văn phòng đại diện tại Miền Nam

Địa chỉ: Bến Lức, Long An



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox;
- Sản xuất các sản phẩm từ thép;
- Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt;
- Sản xuất các cấu kiện cho thép xây dựng;
- Luyện gang, thép;
- Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình TM, dân dụng;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng;
- Kinh doanh bất động sản, QSDĐ thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá Quyền sử dụng đất



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Sản xuất Ống thép hàn đen

Sản xuất Ống thép Tôn mạ

Sản xuất Ống thép mạ kẽm nhúng nóng

Sản xuất Tôn cán nguội

Sản xuất Tôn mạ kẽm

Sản xuất thép xây dựng

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

Hiện nay VG PIPE có 03 dự án cụ thể:

- ❖ Tòa nhà Tài chính VIETDUC FINANCIAL BUILDING tại Vĩnh Yên là Tòa nhà cho thuê văn phòng và căn hộ.
- ❖ Tòa nhà Văn phòng và Trung tâm thương mại tại Mê Linh, mục đích cho thuê văn phòng.
- ❖ Dự án Khu đô thị Việt Đức Legen City với quy mô 62ha



PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập tại KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.



2002

Ngày 29/01/2007 chuyển đổi sang Công ty cổ phần, đã phát hành tăng vốn và trở thành Công ty đại chúng. Tháng 12/2008 thành lập Công ty con

2007



2008

Ngày 20/11/08 cổ phiếu niêm yết tại HNX mã chứng khoán VGS. Ngày 4/12/08 giao dịch trên HNX
Tháng 12/08: tăng vốn 70 tỷ lên 125,997 tỷđ

Phát hành tăng vốn lên **375,997 tỷ đồng**. Thành lập Cty liên kết, sản xuất thép Xây dựng.

Niêm yết bổ sung **25 triệu CP** trên HNX. Tổng CP VGS lưu hành **37.599.710CP**

2009

2010



2012

Công ty đã triển khai xây dựng Toà nhà Vietduc Financial building tại thành phố Vĩnh Yên, được chia thành 2 khối văn phòng và căn hộ

Công ty triển khai mở rộng dự án sản xuất Tôn mạ kẽm và đầu tư mới thêm 5 dây chuyền Ống tôn mạ kẽm

VPDD tại Đà Nẵng được thành lập với quy mô 5.000m2 bao gồm nhà văn phòng và Hệ thống kho bãi

2013

2014



2016

Nhà máy sản xuất Thép chế tạo thuộc Công ty liên kết đi vào hoạt động và đánh dấu năng lực sản xuất của toàn tập đoàn lên đến 1.300.000 tấn/năm.





2017

Công ty đã triển khai xây dựng Trung tâm thương mại và cho thuê văn phòng đối với khu đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Tổng diện tích thi công 12.800m² bao gồm 1 tầng hầm và 7 tầng nổi.



2018

Công ty mở rộng Dự án Thép chế tạo, quy mô 3,2ha nhằm xây dựng hệ thống nhà điều hành và phụ trợ



2018

Tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức 2017 và đã niêm yết bổ sung cổ phiếu trên HNX. Cổ phiếu đang lưu hành là **42.111.589 CỔ PHẦN**.



2018
2021

Tập trung triển khai công tác GPMB và hoàn thiện các Thủ tục pháp lý liên quan đến Dự án VietDuc Legend City



2020

Thép Việt Đức thật vô cùng tự hào đón nhận danh hiệu Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới của Đảng và Nhà nước trao tặng.



2021

Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City đã được UBND Tỉnh Vĩnh Phúc giao đất để thực hiện dự án với diện tích trên 20ha, hiện đang thi công hạ tầng phần đất được giao





Thông tin Công ty con

CTCP THÉP VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Vốn điều:

80.000.000.000 đồng

Số cổ phần:

8.000.000 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đ/CP

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 99,92%

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất Tôn mạ kẽm và Tôn cán nguội.

Thông tin
Công ty Liên kết

CTCP SẢN XUẤT
THÉP VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Vốn điều lệ:

304.000.000.000 đồng

Số Cổ phần:

30.406.500 Cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đ/cp

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 28,6%

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất thép chất lượng cao và Chế tạo



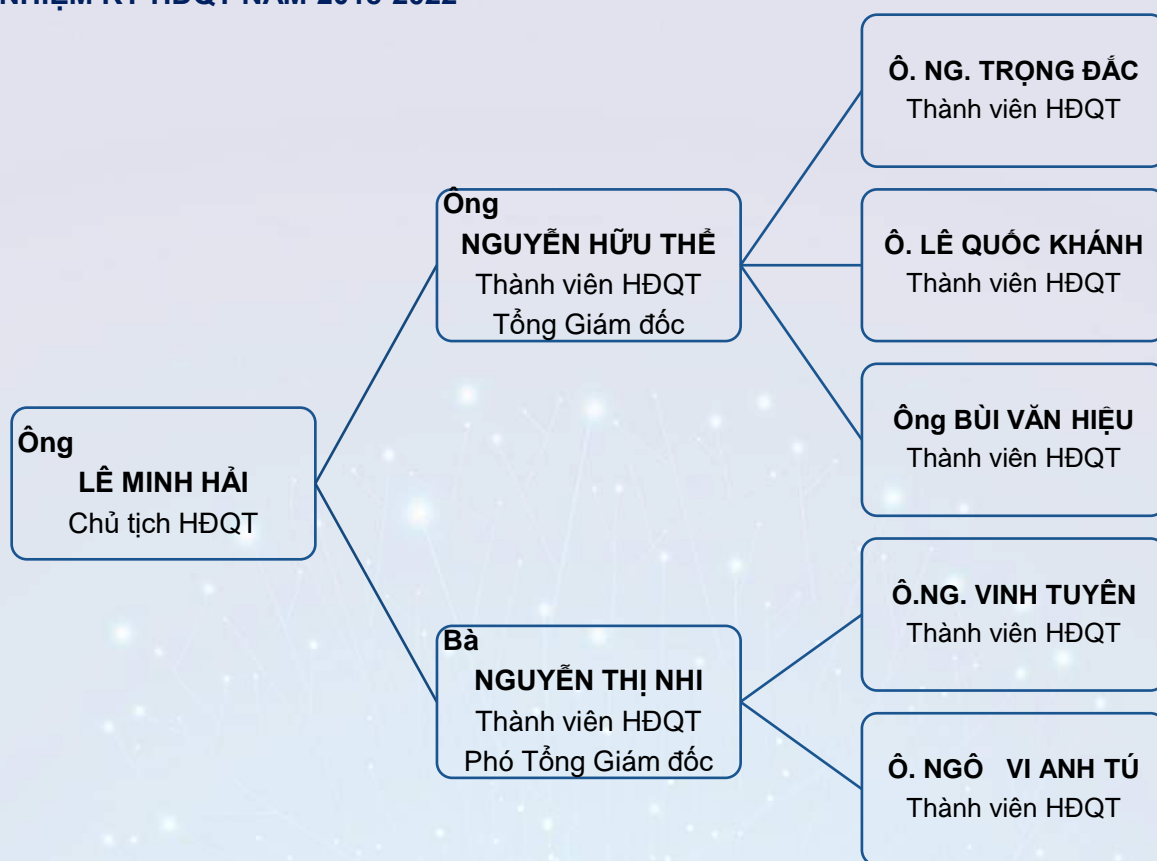


VG PIPE



THÔNG TIN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN ĐIỀU HÀNH
BAN KIỂM SOÁT

NHIỆM KỲ HĐQT NĂM 2018-2022



Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	13.500.000	32,06
Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT	1.292.540	3,07
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.358.720	5,60
Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	0	0,00
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	2.170.000	5,15
Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0,00
Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	80	0,00
Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0,00

BAN ĐIỀU HÀNH



BAN KIỂM SOÁT





Tổng quan **THÉP VIỆT ĐỨC**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập năm 2002 trên diện tích gần 30 ha tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2008, Cổ phiếu của Thép Việt Đức chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội mã giao dịch VGS.



DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

THÉP VIỆT ĐỨC xác định chất lượng sản phẩm chính là yếu tố cốt lõi làm nên sức mạnh, giá trị thương hiệu của doanh nghiệp, là sự bảo đảm tốt nhất lòng trung thành của khách hàng. Để hiện thực hóa mục tiêu này, ngay từ những ngày đầu thành lập, Thép Việt Đức đã đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 giúp kiểm soát chặt chẽ quy trình trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tới khách hàng. Không những thế Thép Việt Đức không ngừng đầu tư công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại của các nước Châu Âu, Nhật bản với tỷ lệ tự động hóa rất cao, mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường. Tất cả các sản phẩm của Thép Việt Đức đều được sản xuất theo các tiêu chuẩn của các quốc gia có nền công nghiệp vật liệu phát triển như Anh quốc, Hoa Kỳ; Nhật Bản; Hàn Quốc và tiêu chuẩn của Việt Nam. Duy trì tốc độ phát triển và hiệu quả với con số đầy ấn tượng cùng với quy mô mở rộng trên 30ha và năng lực sản xuất đạt con số 1.300.000 tấn/năm đây chính là tiền đề để Thép Việt Đức tự tin tham gia vào các dự án lớn trọng điểm mang tầm cỡ quốc gia.



Tổng quan **THÉP VIỆT ĐỨC**

CÁC DỰ ÁN LỚN ĐÃ THAM GIA

Từ khi đi vào hoạt động, trải qua gần 2 thập kỷ hình thành và phát triển Thép Việt Đức từng bước chinh phục thị trường và ghi nhiều dấu ấn trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói chung của ngành thép nói riêng. Thép Việt Đức đã khẳng định được vị thế của mình trong ngành thép Việt Nam, tự hào nằm trong TOP 5 và TOP 6 nhà sản xuất cung cấp Ống thép và Thép xây dựng lớn nhất tại Việt Nam.

Nhờ sự đầu tư bài bản đã gây dựng được niềm tin cho khách hàng, đối tác, chủ đầu tư, nhà thầu thi công trong và ngoài nước. Sản phẩm mang thương hiệu Thép Việt Đức đã được ghi nhận và đánh giá cao, trở thành được lựa chọn hàng đầu về cung cấp thép cho các dự án lớn trên toàn lãnh thổ Việt Nam như: Nhà Quốc hội, Trung tâm Hội nghị Quốc Gia, tòa nhà Landmark 81, tòa nhà Keangnam, nhà ga T2 Sân bay Quốc tế Nội Bài, sân bay Đà Nẵng, cầu Thanh trì, cầu Vĩnh Tuy, cầu Nhật Tân, đường sắt trên cao, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Hà Nội - Hải Phòng; các dự án của VinGroup và rất nhiều dự án khác....



TÀM NHÌN

Tạo dựng một tập đoàn sản xuất Thép hàng đầu Việt Nam mang thương hiệu
“THÉP VIỆT ĐỨC – ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU”

SỨ MỆNH

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG



Cung cấp các sản phẩm - dịch vụ với chất lượng Châu Âu phù hợp với nhu cầu thị trường người tiêu dùng sản phẩm - dịch vụ luôn đẳng cấp, bền vững và chiếm lĩnh thị trường, mang lại cho các đối tác, khách hàng sự hài lòng, thành công.

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC VÀ CỔ ĐÔNG



Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển, luôn là người đồng hành uy tín của các đối tác và cổ đông, phấn đấu gia tăng các giá trị đầu tư tốt và bền vững.

ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN



Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên.

ĐỐI VỚI XÃ HỘI



Hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội, đồng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân và niềm tự hào dân tộc.

CHUYÊN NGHIỆP TIÊU CHUẨN HÒA



Chuyên nghiệp và tiêu chuẩn hoá là giá trị cốt lõi của văn hoá doanh nghiệp.

LỢI NHUẬN HIỆU QUẢ



Lợi nhuận và hiệu quả là giá trị căn bản của hoạt động sản xuất kinh doanh.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG



Nâng cao Chất lượng trong từng sản phẩm, dịch vụ và lĩnh vực hoạt động.

ĐOÀN KẾT HỢP TÁC



Đoàn kết và Hợp tác tạo nên sức mạnh Công ty.

TẬN TÂM UY TÍN



Tận tâm và Uy tín đối với mọi khách hàng và đối tác.

Các Dự án bất động sản
THÉP VIỆT ĐỨC



Dự án

KHU ĐÔ THỊ VIỆT ĐỨC LEGEND CITY



THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

Tên dự án : **Khu đô thị Việt Đức Legend City**
Địa chỉ : Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Chủ đầu tư : **Công ty Ống thép Việt Đức VG PIPE**
Quy mô dự án : 62ha
Quy mô thực hiện giai đoạn 1: 25ha.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Giai đoạn I: Từ QI/2020 đến QIV/2023 thực hiện các công việc: GPMB, giao đất, chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình kiến trúc. Cụ thể:

Lập thẩm định phê duyệt hồ sơ điều chỉnh chấp thuận đầu tư dự án. Lập thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án. Thực hiện giao đất giai đoạn I, lập thẩm định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, cấp phép xây dựng; Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật từ Quý I/2020 đến Quý I/2021.

Năm 2020 đã được UBND Tỉnh Vĩnh Phúc có quyết định giao đất lần 1 của giai đoạn I với diện tích trên 10ha và dự án vẫn đang tiếp tục triển khai công tác GPMB và xin giao đất lần 2 của giai đoạn I.

Xây dựng công trình khu nhà ở thấp tầng (LK-BT): Dự kiến Quý I/2020 đến Quý I/2022. Xây dựng khu nhà ở cao tầng, thương mại dịch vụ, nhà ở xã hội, trạm y tế, nhà trẻ, nhà văn hóa, dịch vụ công cộng: Dự kiến QI/2022 đến QIV/2023

Địa điểm xây dựng

Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở cho thuê được xây dựng trên diện tích 2.720m² tại Km9 đường Bắc Thăng Long – Nội Bài, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Các hạng mục công trình

Diện tích sàn xây dựng: 1.825m²; Tổng số tầng: 07 tầng nổi và 1 tầng hầm. Diện tích sàn từ tầng hầm - tầng 3: 7.300m²; Từ tầng 4 đến tầng 7: 5.200m². Tổng cộng 12.500 m² diện tích xây dựng; Mật độ xây dựng : 57%.

Hiện nay tòa nhà đã đưa vào khai thác được 50% công suất

Quy mô đầu tư dự án

Tổng diện tích đất: 2.720m²; Diện tích đất lưu không 4.500m²; Diện tích xây công trình 1.825m². Diện tích các hạng mục phụ trợ như sân vườn, đường nội bộ, cây xanh và các hạng mục phụ trợ khác là 895m²



Dự án
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ Ở CHO THUÊ

Tòa nhà TÀI CHÍNH VIỆT ĐỨC



Địa điểm xây dựng:
Phường Liên Bảo, TP.
Vĩnh yên, tỉnh Vĩnh
Phúc

Tổng diện tích đất:
1.520m². Chiều cao:
07 tầng. Bao gồm 02
khối nhà để sử dụng
cho 2 mục đích khác
nhau: 01 khối là khu
căn hộ cao cấp và 01
khối là khu Văn phòng
cho thuê.

Hiện tại khu căn hộ đã
cho thuê đạt 100%.
Khu văn phòng tập
trung cho các Công ty
như Ngân hàng; bảo
hiểm; Kiểm toán và
các Công ty đầu tư tài
chính, hiện đã cho
thuê 100%.



Các Dự án lớn đã sử dụng **THÉP VIỆT ĐỨC**



Royal City



Time City



Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng



Cao tốc Hà Nội – Lào Cai



Formosa Hà Tĩnh



Sam Sung Thái Nguyên



Cầu Nhật Tân



Cầu Đông Trù



Golmak City



Vinhome Tân Cảng



Và nhiều dự án trọng điểm khác



VG PIPE

**CÁC RỦI RO BÊN NGOÀI
VÀ
RỦI RO BÊN TRONG**

RISKY



Để giảm thiểu các rủi ro có thể gặp, Công ty đã xây dựng chiến lược quản lý rủi ro để đảm bảo mục tiêu kinh doanh, tạo ra lợi thế cạnh tranh nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất.

RỦI RO TRONG KINH DOANH

Nhận diện: Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tổng cầu. Khi nền kinh tế tăng trưởng thì nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm ống thép, tôn mạ và vật liệu xây dựng, trong đó có các sản phẩm của Thép Việt Đức cũng sẽ tăng lên. Ngược lại, khi nền kinh tế suy giảm thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm ống thép, tôn mạ và vật liệu xây dựng cũng sẽ sụt giảm.

Đánh giá, giám sát và quản lý rủi ro: Công ty luôn chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành để chủ động ứng phó với mọi tình huống nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất.

Nguyên liệu sản xuất Tôn và Ống thép được nhập khẩu thép cán nóng (nguyên liệu chính) từ nước ngoài khoảng 50% và mua trong nước 50%, nên việc cập nhật, phân tích giá thép cán nóng trong và ngoài nước, chọn lựa thời điểm thích hợp để mua với giá tốt nhất, hạn chế mọi rủi ro về nguyên liệu luôn được Ban điều hành quan tâm chú trọng.

Sự biến động giá bán sản phẩm trên thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, chính sách giá bán linh hoạt theo biến động giá cả thị trường luôn được Ban điều hành xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thị trường ở từng thời điểm

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Nhận diện: Trong hoạt động sản xuất, Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để giảm giá thành sản phẩm.

Đánh giá, giám sát và quản lý rủi ro:

Bộ phận bộ phận Mua hàng và các bộ phận liên quan phối hợp xem xét lựa chọn những nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu có chất lượng phù hợp với giá cả hợp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro về nguyên vật liệu. Đồng thời, bộ phận Kế toán tài chính sẽ kiểm tra lại tất cả các khoản chi phí mua hàng để đảm bảo tính trung thực, chính xác và minh bạch.

Công ty luôn có những kế hoạch bảo trì sửa chữa thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo các máy móc thiết bị luôn trong tình trạng tốt nhất, bảo đảm vận hành an toàn và hiệu quả.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhận diện: Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá, rủi ro biến động lãi suất, rủi ro nợ phải thu khó đòi và rủi ro thanh khoản.

Đánh giá, giám sát và quản lý rủi ro:

Căn cứ vào việc nhập khẩu nguyên liệu, Ban Tổng Giám đốc cân đối để quyết định việc vay USD hay VNĐ đảm bảo đạt lãi suất vay bình quân thấp nhất. Cơ cấu dư nợ vay đều được trình Ban điều hành xem xét và đưa ra định hướng hàng tháng một cách linh hoạt nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá.

Đối với khách hàng mới, Công ty yêu cầu phải có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng hoặc thanh toán trước khi nhận hàng để thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa. Đối với khách hàng truyền thống, căn cứ tình hình tài chính, tài sản bảo đảm, uy tín giao dịch của từng khách hàng. Công ty xây dựng hạn mức nợ cho từng khách hàng trong từng thời kỳ.



Định kỳ hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc xem xét lại các hạn mức nợ này. Phòng Kinh doanh, Các Văn phòng đại diện chịu trách nhiệm thu hồi công nợ đúng hạn. Phòng kế toán giám sát, kiểm tra và báo cáo Ban Tổng Giám đốc tình hình nợ phải thu hàng ngày. Bộ phận Tài chính lập và báo cáo kế hoạch dòng tiền hàng tuần để Ban Tổng Giám đốc có những biện pháp điều hành kinh doanh linh hoạt, đảm bảo không có khoản phải trả quá hạn

RỦI RO THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH

Nhân diện: Văn bản pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá, giám sát và quản lý rủi ro:

Văn phòng giữ vai trò quan trọng trong việc cập nhật và tư vấn những văn bản pháp luật mới ban hành để giảm thiểu rủi ro về thay đổi chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



RỦI RO KHÁC

Nhân diện: Các rủi ro khác bao gồm rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn,...

Đánh giá, giám sát và quản lý rủi ro:

Để giảm thiểu những rủi ro trên, Công ty luôn dành một khoản chi phí mua bảo hiểm mọi rủi ro tai nạn 24/24 giờ cho mỗi CBCNV và bảo hiểm cho mọi rủi ro tài sản của Công ty



Báo cáo
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2021

Tình hình Kinh tế Thế giới năm 2021

Kinh tế thế giới bước sang năm 2021 với cú sốc do Covid-19 gây ra đã khiến thế giới rơi vào cuộc suy thoái tồi tệ nhất kể từ Đại suy thoái 1930, với mức suy giảm GDP toàn cầu trong năm 2021 là 3,1%, theo số liệu của Quỹ Tiền tệ quốc tế. Nhờ một loạt vaccine ngừa Covid-19 được phê chuẩn và triển khai trên toàn cầu, các nền kinh tế đã mở cửa trở lại và dần hồi phục.

Tuy vậy với mỗi lần có biến chủng mới xuất hiện, triển vọng kinh tế thế giới lại bị che mờ. Trong báo cáo hồi đầu tháng 12/2021, tổ chức đánh giá tín nhiệm hạ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu còn 5,7%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với lần dự báo hồi tháng 10. Triển vọng của năm 2022 cũng hạ về 4,2% từ 4,4%.

Tình trạng phục hồi không đều của kinh tế toàn cầu năm nay được ghi nhận giữa các khu vực khác nhau, giữa các nền kinh tế có mức thu nhập khác nhau, và cả giữa các quốc gia cùng trình độ phát triển. Báo cáo mỗi năm hai lần Triển vọng Kinh tế toàn cầu mà Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra hồi tháng 6 dự báo kinh tế toàn cầu có thể tăng trưởng 5,6% trong năm 2021, mức tăng hậu suy thoái mạnh nhất trong 80 năm. Tuy nhiên, các nền kinh tế thu nhập thấp có thể chỉ tăng trưởng 2,9%, mức tăng chậm nhất 20 năm của nhóm này.

Kinh tế Việt Nam năm 2021

Tăng trưởng kinh tế vững chắc trong nửa đầu năm 2021, nhưng giữa năm 2021 Kinh tế xã hội của Việt nam đối diện với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, nguồn lao động, cụ thể đợt bùng phát dịch COVID-19 bắt đầu từ tháng 4 đã làm chệch quá trình phục hồi và dẫn đến những thiệt hại lớn về người và kinh tế.

Đợt bùng phát dịch bắt đầu từ tháng 04/2021 và lây lan ra nhiều tỉnh thành phía Nam và các trung tâm kinh tế lớn - như thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội - đã dẫn đến các biện pháp hạn chế đi lại và dịch tễ ngày càng nghiêm ngặt được ban hành từ tháng 05 đến tháng 08/2021. Đến đầu tháng 10, nhiều tỉnh thành - gồm Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh - bắt đầu nới lỏng các biện pháp hạn chế đi lại.

Hoạt động kinh tế được khôi phục nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn do thiếu hụt đầu vào và lao động tại các tỉnh thành phía Nam.

Đến Quý IV năm 2021 đại dịch Covid cơ bản được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế trong Quý IV đã phục hồi khá nhanh chóng, với mức tăng trưởng GDP ước đạt 5,22% (cao hơn Quý IV năm 2020)

Tính chung ước GDP năm 2021 tăng 2,58%. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, trong đó ngành công nghiệp chế biến và chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%; ngành xây dựng 0,63%.

**ĐÁNH GIÁ NGÀNH THÉP VIỆT NAM
NĂM 2021**

Thị trường thép thế giới kết thúc năm 2021 theo xu hướng giảm. Theo hiệp hội thép Thế giới sản xuất thép thô tăng 4,5% so cùng kỳ năm 2020

Thị trường thép toàn cầu đã trải qua những thay đổi khi Trung Quốc điều chỉnh các yêu cầu đối với nguyên liệu thô đồng thời thực hiện các bước cắt giảm sản lượng trong khi các nhà sản xuất thép toàn cầu phải đối mặt với chi phí sản xuất cao hơn. Giá nguyên liệu sản xuất thép toàn cầu năm 2021 diễn biến phức tạp giá nguyên liệu sản xuất thép liên tục điều chỉnh tăng kể từ cuối năm 2020, trong đó giá quặng sắt thời điểm giữa Quý II/2021 tăng cao gấp 2,6 lần, giá phế liệu để tăng 2,5 lần so với thời điểm cùng kỳ năm 2020. Sau đó, giá các loại nguyên liệu đã điều chỉnh giảm trong các Quý II, Quý III và tương đối ổn định trong những tháng cuối năm.

Trước diễn biến giá nguyên liệu sản xuất thép trên thị trường toàn cầu có diễn biến phức tạp, giá thép năm 2021 có chiều hướng gia tăng kể từ cuối 2020 cho đến giữa Quý I/2021 có điều chỉnh giảm, sau đó tiếp tục xu hướng tăng lên cuối tháng 5/2021 bắt đầu chiều hướng giảm. Giá thép trong nước tương đối ổn định kể từ cuối Quý II và có chiều hướng giảm vào cuối năm.

Ngành công nghiệp thép Việt Nam năm 2021 cũng ghi nhận những dấu ấn tăng trưởng tích cực.

Sản xuất thép thô cả năm đạt 23 triệu tấn tăng 16 % so với năm 2020.

Sản xuất thép thành phẩm các loại đạt 33 triệu tấn tăng 19 % và bán hàng đạt 29 triệu tấn tăng 16%

Xuất khẩu sản phẩm thép năm 2021 cũng có được những kết quả tích cực đạt hơn 14 triệu tấn thép thành phẩm và bán thành phẩm với hơn 12,7 tỷ USD đóng góp lớn nguồn thu ngoại tệ cho đất nước, sản phẩm thép của Việt nam đã xuất khẩu hơn 30 quốc gia khu vực và thế giới.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, mặc dù phải trải qua những giai đoạn bất ổn của tình hình kinh tế - xã hội nói chung và thị trường ngành thép nói riêng, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị trực thuộc phải linh hoạt, sáng tạo trong việc điều hành hoạt động SXKD, nhằm củng cố nền tảng ổn định, vượt qua các khó khăn, thử thách. Kết thúc năm 2021, với sự nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành, Công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh thắng lợi, chỉ tiêu lợi nhuận tăng trưởng cao so với kế hoạch đề ra, cụ thể:



Công ty mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% so cùng kỳ
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.053,5	3.990,0	98,43
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	82,7	73,5	88,88
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	66,0	58,7	88,94

Nguồn BCTC năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty AASC

Hợp nhất Toàn Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% so cùng kỳ
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	6.669,7	6.694,0	100,36
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	124,6	156,4	125,52
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	102,9	128,9	125,27

Nguồn BCTC năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty AASC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021



TÌNH HÌNH TÀI SẢN HỢP NHẤT

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021 so 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	1.304.533	1.486.204	113,9%	76,5%	71,4%
Tài sản dài hạn	400.566	594.099	148,3%	23,5%	28,6%
Tổng Tài sản	1.705.099	2.080.304	122,0%	100%	100%

Nguồn BCTC năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty AASC

Tình hình tài sản trong năm 2021 có sự biến động tăng lên, tổng tài sản có mức tăng 22,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó Tài sản ngắn hạn tăng 13,9%; Tài sản dài hạn tăng 48,3% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu năm 2021 tăng so năm 2020 cả về Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn là do:

Đối với Tài sản ngắn hạn: Tăng chủ yếu là hàng tồn kho, về tổng lượng tồn kho năm 2021 so năm 2020 gần như tương đương nhưng giá trị tồn kho lại tăng 34% bởi giá nguyên liệu năm 2021 cao hơn năm 2020.

Đối với Tài sản dài hạn: Tăng 48,3% so năm 2020 chủ yếu là tang tiền Quyền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City. Trong năm 2021 Dự án KĐT Việt Đức Legend City đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất trên 10ha và toàn bộ diện tích này đã nộp đủ tiền sử dụng đất do vậy Tài sản dài hạn tăng lên đột biến

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021 so 2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ trọng 2021
Nợ phải trả	947.936	1.247.155	31,57%	55,6%	60,0%
Vốn chủ sở hữu	757.163	833.149	110,0%	44,4%	40,0%
Tổng Nguồn vốn	1.705.099	2.080.304	122,0%	100%	100%

Nguồn BCTC năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty AASC

Tình hình Nguồn vốn trong năm 2021 cũng tăng lên so năm 2020 là 22%, chủ yếu tăng là Nợ phải trả tăng 31,57% và Vốn chủ sở hữu tăng 10% so với cùng kỳ. Việc tăng nợ phải trả là do giá Nguyên liệu năm 2021 tăng so với năm 2020 nên công nợ tang theo

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

Doanh thu – Lợi nhuận Hợp nhất 5 năm liền kề

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	5.980	6.920	6.837	6.670	6.684
Lợi nhuận sau thuế	71	44	75	103	129

Một số chỉ tiêu về Lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	303.945	205.815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	Tỷ đồng	(8.955)	(250.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	(284.405)	76.362
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	Tỷ đồng	10.585	31.651
Tiền và tương đương tiền đầu năm	Tỷ đồng	13.405	23.990
Tiền và tương đương tiền cuối năm	Tỷ đồng	23.990	55.641



**ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC ĐẦU TƯ
NĂM 2021**



Trong năm 2021 sau khi đánh giá và xem xét cẩn trọng các điều kiện khách quan có ảnh hưởng đến tầm nhìn và lợi thế của Công ty trong việc triển khai các dự án đầu tư trong lĩnh vực bất động sản. HĐQT đã nhận định sẽ tập trung vào mảng sản xuất chính là Ống thép; Tôn mạ kẽm và Thép xây dựng...đây là lĩnh vực đem lại hiệu quả chính cho Công ty từ trước đến nay.

Đối với Lĩnh vực đầu tư bất động sản ngoài các dự án đã đầu tư đi vào hoạt động Công ty sẽ tập trung triển khai giai đoạn I của Dự án Việt Đức Legend City.

Trong năm 2021 Công ty đã thực hiện việc GPMB giai đoạn 1 đạt 98%, đã làm thủ tục xin giao đất đợt I và đã thực hiện nộp 01 phần tiền Quyền sử dụng đất, đồng thời đã và đang triển khai công tác thi công hạ tầng kỹ thuật của Giai đoạn I

ĐÁNH GIÁ CHUNG NĂM 2021

Năm 2021 là năm có nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt. Các mảng sản xuất kinh doanh chính của Công ty có khó khăn, đặc biệt trong giai đoạn nhiều nước áp dụng biện pháp giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch COVID-19

Giá cả giá thép thế giới biến động khó lường, các dự án gần như đóng băng không khởi động hoặc khởi động chậm chạp nên cũng rất khó khăn cho việc tiêu thụ. Đặc biệt dịch Covid liên tục tái phát làm ảnh hưởng lớn đến kinh tế chung của thế giới và của Việt Nam

Trước tình hình đó Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ - nhịp nhàng cả về công tác làm thị trường trong điều kiện “bình thường mới”; quản lý và đầu tư phù hợp với thực tế, phù hợp với vùng miền; nhanh nhạy thích ứng với các biến động và kiên định với các quyết sách kinh doanh

Nhìn chung tổng quan kết quả đạt được năm 2021 là sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo; tập thể người lao động vì một mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững của VGS

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước, Pháp luật về tài chính

Quản lý tốt các nguồn thu/chi của Công ty và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ. Công tác làm thị trường được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và thích ứng kịp thời trong năm đại dịch COVID-19.

Chiến lược làm thị trường trong toàn Công ty được nâng tầm thêm bên cạnh việc “giữ vững khách hàng hiện tại và mở thêm khách hàng mới. Mở rộng tiếp thị sâu rộng đến đối tượng Khách hàng của các Khách hàng.

Năm 2021 kinh doanh có hiệu quả, doanh thu hợp nhất và lợi nhuận đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

Thương hiệu Công ty ngày càng được nhiều Khách hàng/ tổ chức tài chính/ Công ty cùng ngành nghề trong và ngoài nước biết đến và đặt mối quan hệ hợp tác cũng như là trở thành cổ đông của Công ty.

Người lao động được đảm bảo việc làm; thu nhập ổn định. Công tác an sinh xã hội; trách nhiệm với cộng đồng được thực hiện tốt



Báo cáo
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



VG PIPE

TỔ CHỨC
NHÂN SỰ

TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Xác định “CON NGƯỜI LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG”, là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, VG PIPE đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cao, kinh nghiệm và lực lượng nhân viên giàu nhiệt huyết, được đào tạo bài bản.

Đây chính là động lực giúp VG PIPE vượt qua khó khăn, vững bước trên chặng đường phía trước. VG PIPE chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ



THỜI GIAN LÀM VIỆC

Chế độ làm việc: Thời gian làm việc của Công ty, ngày làm 8 tiếng từ 8h đến 17h (1 tiếng nghỉ trưa) từ thứ 2 đến thứ 7. Khi có yêu cầu công việc người lao động có thể làm thêm giờ, thời gian làm thêm giờ và lương thêm giờ được đảm bảo theo đúng Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty sẽ tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển của Công ty. Công ty sẽ sử dụng nguồn lao động tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Nghỉ phép, lễ tết: Cán bộ công nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những CBCNV làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép theo chế độ.

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Tại VG PIPE, tùy theo từng vị trí cụ thể sẽ có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả cán bộ nhân viên trong Công ty đều đáp ứng yêu cầu: có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần kỷ luật cao. Ban lãnh đạo Công ty ghi nhận, đánh giá hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ, nhân viên nhằm phát huy tính sáng tạo. Chính sách nhân sự luôn được coi trọng và cải tiến thường xuyên nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực, cạnh tranh lành mạnh, thân thiện gắn kết.

CHẾ ĐỘ LƯƠNG THƯỜNG PHÚC LỢI

Chế độ lương: Công ty thực hiện việc chi trả lương cho CBCNV đối với khối gián tiếp dựa vào cấp công việc của nhân viên, chức vụ, năng lực theo thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty, còn đối với Bộ phận kinh doanh trả lương theo sản lượng bán hàng, khối trực tiếp sản xuất thì trả theo lương sản phẩm. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống của CBCNV.

Chế độ thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Mặc dù năm qua ngành thép gặp nhiều khó khăn nhưng cuối năm Công ty vẫn giải quyết cho người lao động lương tháng thứ 13 và có chính sách thưởng cho các cá nhân, bộ phận đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho CBCNV. Ngoài ra Công ty còn mua bảo hiểm con người kết hợp 24/24 cho toàn bộ CBCNV trong Công ty. Mỗi năm Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước 01 lần/năm.



KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT
KINH DOANH
NĂM 2022



Kế hoạch KINH DOANH NĂM 2022

Hội đồng Quản trị Công ty nhận định, thị trường ngành thép 2022 tuy có khởi sắc nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn, khó lường. Thêm vào đó, diễn biến phức tạp của dịch bệnh, cộng với sự bất ổn của tình hình kinh tế - xã hội có thể đe dọa gây ảnh hưởng đến hoạt động ổn định của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, xét ở góc độ nội tại, Công ty đã có những bước cải thiện mạnh mẽ về tình hình tài chính và tình hình sản xuất kinh doanh.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Công ty mẹ

Doanh thu: **4.500** Tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: **65** Tỷ đồng

Hợp nhất

Doanh thu: **7.000** Tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: **125** Tỷ đồng

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Đối với hoạt động quản trị - điều hành:

Củng cố hiệu quả quản trị, kiểm soát toàn Công ty trên tinh thần tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí, thông qua các giải pháp sau:

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy hoạt động từ Công ty mẹ đến các Công ty con, Nhà máy, các Văn phòng đại diện trên cơ sở phát huy hiệu quả quản trị, điều hành, kiểm soát trong toàn hệ thống.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Công ty, song song với việc sắp xếp, phân bổ lại cơ cấu hàng, hệ thống khách hàng phân phối từng VPĐD, đồng thời đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Củng cố hiệu quả quản trị, kiểm soát trên cơ sở thiết lập và áp dụng các định mức, chỉ tiêu, chính sách, cơ chế lương thưởng hợp lý, linh hoạt.

Củng cố, khai thác một cách có hiệu quả đối trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trên tinh thần đảm bảo sự tối ưu, tinh gọn và minh bạch trong các hoạt động SXKD. Nghiên cứu, mô hình quản lý bằng hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng trong sản xuất.

Tím các đối tác có năng lực, uy tín trên thị trường BĐS để hợp tác đầu tư triển khai dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City giai đoạn 1 và hướng tới giai đoạn 2.

Đối với hoạt động kinh doanh:

Tiếp tục củng cố, phát huy hiệu quả kinh doanh của Công ty thông qua các giải pháp sau:

Quy hoạch và sắp xếp lại chiến lược kinh doanh theo hướng tập trung vào các dòng sản phẩm có tiềm năng tạo ra biên lợi nhuận tốt vào ổn định.

Theo dõi chặt chẽ, bám sát và nắm bắt nhanh chóng những diễn biến của thị trường, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn hiện nay, để đưa ra những giải pháp ứng phó một cách hữu hiệu và kịp thời.



CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Củng cố và tăng cường thế mạnh tại thị trường nội địa thông qua việc mở rộng và vận hành hệ thống phân phối một cách hiệu quả, tăng sản lượng tiêu thụ nội địa kết hợp với việc nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế thống lĩnh trên thị trường.

Mở rộng thị trường xuất khẩu, song song với việc tiết giảm các khoản chi phí nâng cao tính cạnh tranh, đảm bảo hiệu quả và lợi nhuận, đứng vững trước những bất ổn của thị trường.

Thực hiện các giải pháp tiết giảm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh, nhằm đảm bảo lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Thiết lập Chính sách kinh doanh ổn định hiệu quả gắn liền công tác quản trị, kiểm soát rủi ro, giám sát tuân thủ và tối ưu chi phí ở tất cả các đơn vị trực thuộc trong Thép Việt Đức.

Đối với hoạt động sản xuất – cung ứng:

Tối ưu hóa năng lực sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm; bố trí hợp lý, hiệu quả và chuyên nghiệp đối với hoạt động cung ứng, thông qua các giải pháp sau:

Củng cố hiệu quả quản trị sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; Đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; Ứng phó hiệu quả với các sự cố thiên tai, môi trường.

Khai thác, vận hành hiệu quả các Dự án Nhà máy sản xuất đã hoàn thành. Thường xuyên triển khai bảo trì, bảo dưỡng để tăng hiệu suất hoạt động của các Nhà máy.

Nghiên cứu, cải tiến, sáng kiến kỹ thuật để hoàn thiện công nghệ, quy trình vận hành đối với các dây chuyền, máy móc thiết bị.

Củng cố lợi thế cạnh tranh của Công ty trong hoạt động cung ứng thông qua việc tận dụng, tối ưu hóa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện phân bổ của hệ thống đơn vị sản xuất và đơn vị kinh doanh của Công ty trên toàn quốc.

Đảm bảo sự nhanh chóng, kịp thời và tiết kiệm chi phí trong hoạt động cung ứng nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm để phục vụ hoạt động SXKD.

Tăng cường tiết giảm tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế nhưng vẫn đảm bảo chất lượng thành phẩm đầu ra, góp phần hạ giá thành sản phẩm, giảm chi phí sản xuất.

Đối với hoạt động đầu tư, chiến lược

Tiếp tục kết hợp với các cơ quan ban ngành trong tỉnh Vĩnh Phúc để triển khai công tác GPMB giai đoạn II của Dự án Việt Đức Legend City.

Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan đến việc xây dựng của Dự án. Thực hiện hoàn thiện hồ sơ xin điều chỉnh quy hoạch cho hợp với thực tế.

Lựa chọn các nhà thầu, thi công để triển khai xây dựng Dự án khi đã hoàn thành các thủ tục pháp lý.

Lựa chọn các tổ chức tín dụng, các nhà đầu tư, đối tác để triển khai huy động vốn, đưa ra phương án thi công, phân phối sản phẩm trên cơ sở đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Tìm kiếm thêm một số Dự án quy mô nhỏ kinh doanh về lĩnh vực Khách sạn hoặc căn hộ cho thuê để cùng đầu tư hoặc mua lại để Công ty đứng ra vận hành với mục tiêu đã dạng ngành nghề cũng như đem lại hiệu quả cho Công ty.

Đối với hoạt động phát triển nguồn nhân lực:

Tập trung củng cố nâng cao chất lượng, nghiệp vụ, trình độ, kỹ năng, trách nhiệm của đội ngũ nhân lực, đảm bảo bộ máy nhân sự được sắp xếp một cách tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp, phù hợp với văn hóa Công ty.

Đảm bảo ổn định tinh thần và động lực làm việc của người lao động, đặc biệt trong giai đoạn diễn biến bất ổn như hiện nay.



CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Đào tạo đội ngũ quản lý từ cấp Trưởng/Phó phòng; Ban Tổng Giám đốc; Giám đốc các VPĐD; Giám đốc các Nhà máy thông qua các khoá học tại Công ty; các chương trình đào tạo trong nước và các khóa đào tạo online nước ngoài.

Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cũng như năng lực quản lý/kỹ thuật thông qua các khoá đào tạo tại chỗ; thông qua các lớp chuyên ngành trực tuyến của nước ngoài.

Phát triển nguồn nhân lực nội bộ và kết hợp với các trường đại học chuyên ngành trong nước

Nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ của toàn thể người lao động.

Đối với hoạt động truyền thông – marketing:

Thực hiện chiến lược marketing, quảng bá thương hiệu một cách hợp lý, đa dạng, sáng tạo, gắn liền với những sự kiện mang tính cộng đồng, các hoạt động tài trợ, từ thiện nhằm củng cố và phát huy hình ảnh thương hiệu Thép Việt Đức mạnh và thân thiện.





Cơ cấu
CỔ ĐÔNG CÔNG TY



Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT

Họ tên	Chức vụ	Ngày 29/03/2022	
		Số CPH	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	13.500.000	32,06
Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	1.292.540	3,07
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.358.720	5,60
Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	0	0,00
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	2.170.000	5,15
Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0,00
Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	80	0,00
Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0,00

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Ngày 29/03/2022	
		Số CPH	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT/TGD	1.292.540	3,07
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT/PTGD	2.358.720	5,60

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Ngày 29/03/2022	
		Số CPH	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Văn Lộc	Trưởng BKS	0	0
Nguyễn Thị Hoa	Thành viên BKS	0	0
Lê Quý Minh	Thành viên BKS	0	0

Cổ đông lớn thời điểm 29/03/2022

Họ tên	Địa chỉ	Ngày 29/03/2022	
		Số CPH	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Số nhà 118-120 D1 Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	13.500.000	32,06
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Số 3 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	4.525.000	10,75
Lê Khánh Huyền	Tòa nhà SIMCO, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	3.470.000	8,24
Lê Quốc Khánh	Tòa nhà SIMCO, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	2.170.000	5,15
Nguyễn Thị Nhi	SN7B, Ngõ 79, Lương Khánh Thiện, Hoàng Mai, Hà Nội	2.358.720	5,60

Cơ cấu cổ đông thời điểm 29/03/2022

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Ngày 29/03/2022	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1.	Cổ đông nội bộ	07	27.316.340	64,87
1.1	HĐQT; Ban TGD; Kế toán trưởng; Ban kiểm soát	05	19.321.340	45,88
1.2	Người có liên quan	02	7.995.000	18,99
2.	Cổ đông trong nước	4.708	14.706.551	34,92
2.1	Cá nhân	4.686	13.010.318	30,89
2.2	Tổ chức	22	1.696.233	4,03
3.	Cổ đông nước ngoài	27	88.698	0,21
3.1	Cá nhân	20	56.878	0,14
3.2	Tổ chức	07	31.820	0,07
Tổng cộng		4.742	42.111.589	100

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại ngày 29/03/2022

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Ngày 29/03/2022	
			Số CPSH	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	5	26.023.720	61,80
2	Cổ đông sở hữu từ 1% - 5%	3	2.837.240	6,70
3	Cổ đông sở hữu dưới 1%	4.734	13.250.629	31,50
Tổng cộng		4.742	42.111.589	100

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2021

Người thực hiện	Quan hệ cổ đông nội bộ	Cổ phần đầu kỳ		Cổ phần cuối kỳ	
		Số CPSH	Tỷ lệ (%)	Số CPSH	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	8.500.000	20,18	13.500.000	32,06
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Vợ CT HĐQT	4.525.000	10,75	4.525.000	10,75
Lê Khánh Huyền	Con CT HĐQT	3.470.000	8,24	3.470.000	8,24
Lê Quốc Khánh	TV HĐQT	2.170.000	5,15	2.170.000	5,15



THẠP VIỆT ĐỨC



BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Số CPH	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	13.500.000	32,06
Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	1.292.540	3,07
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.358.720	5,60
Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	0	0,00
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	2.170.000	5,15
Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0,00
Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	80	0,00
Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0,00

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	5/5	100
Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	5/5	100
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	5/5	100
Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	5/5	100
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	5/5	100
Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	5/5	100
Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	5/5	100
Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	5/5	100

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị năm 2021

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung nghị quyết
1	01/2021/NQ HĐQT/VGP	19/03/2021	Thông qua việc vay vốn lưu động năm 2021-2022 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt, Hà Nội.
2	02/2021/NQ HĐQT-VGP	05/07/21	Thông qua việc thông qua hỗ trợ tiền An sinh xã hội cho Các hộ dân bị thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City do Công ty làm chủ đầu tư
3	03/2021/NQ HĐQT-VGP	23/09/21	Thông qua việc vay vốn lưu động năm 2021 - 2022 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.
4	04/2021/NQ HĐQT-VGP	15/10/21	Đồng ý chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Thông qua đối tượng chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 35 Luật chứng khoán năm 2019 trong giao dịch nhận chuyển nhượng của Công ty CP Ống thép Việt Đức VGPIPE “Mã chứng khoán VGS” của Ông Lê Minh Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty dẫn đến Ông Lê Minh Hải và người liên quan sở hữu đạt hoặc vượt 35% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của CTCP Ống thép Việt Đức VGPIPE mà không phải thực hiện chào mua công khai
5	05/2020/NQ HĐQT-VGP	26/10/21	Thông qua phê duyệt việc triển khai đầu tư thi công xây dựng đợt 1 - Giai đoạn 1 của Dự án KĐT Việt Đức Legend City do Công ty cổ phần Ống thép Việt Đức VGPIPE làm chủ đầu tư; Đồng ý vay vốn trung dài hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên.



Kết quả thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021



Về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Công ty mẹ năm 2021:

Doanh thu 3.990 tỷ đồng đạt 99,7% so Kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế 73,5 tỷ đồng đạt 144,1% so KH.

Lợi nhuận sau thuế 58,7 tỷ đồng đạt 143,2% so KH.

Hop nhất năm 2021:

Doanh thu 6.694 tỷ đồng đạt 101,4% so Kế hoạch

Lợi nhuận trước thuế 156,4 tỷ đồng đạt 184,0% so KH

Lợi nhuận sau thuế 128,9 tỷ đồng đạt 171,9% so KH

Về việc cổ đông nội bộ Ông Lê Minh Hải - Chủ tịch HĐQT và người liên quan khi mua/nhận chuyển nhượng Cổ phiếu của CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE (Mã CK: VGS) để nâng tỷ lệ sở hữu của đến mức tối đa 80%/Vốn điều lệ trở lên mà không phải thực hiện thủ tục Chào mua công khai.

Trong năm Ông Lê Minh Hải – Chủ tịch HĐQT đã thực hiện mua 5.000.000 cổ phần nâng tỷ lệ sở hữu của Ông Lê Minh Hải và người có liên quan lên 56,2% và đã làm các thủ tục báo cáo thực hiện giao dịch theo đúng quy định

Về việc Trích lập các quỹ từ LNST năm 2021:

Việc trích lập các quỹ năm 2021 từ Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện như sau:

Quỹ Khen thưởng: 5% Lợi nhuận sau thuế (LNST);

Quỹ Phúc lợi: 2%/LNST

Quỹ từ thiện: ≤ 3%/LNST

Tất cả các quỹ được thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ/ĐHĐCĐ-VGS ngày 16/4/2021



Về việc Chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ chia 10%/Mệnh giá cổ phiếu bằng tiền mặt

HĐQT đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ/ĐHĐCĐ-VGS ngày 16/4/2021



Việc trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021

Được thực hiện chi trả với tỷ lệ thấp hơn phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ/ĐHĐCĐ-VGS ngày 16/4/2021



Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021

HĐQT đã phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho giữa niên độ và cả năm 2021

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021

Các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban Tổng Giám đốc: Hàng tuần, các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều tổ chức cuộc họp giao ban, có sự tham dự của các Trưởng đơn vị tại Văn phòng đại diện và Ban Giám đốc các Công ty con, Nhà máy, trường các phòng ban trong Công ty. Tại các cuộc họp, Ban Tổng Giám đốc sẽ xem xét, đánh giá các báo cáo về tình hình SXKD; báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các công việc được giao; cập nhật các thông tin về diễn biến của thị trường và đề ra các công việc, kế hoạch cần triển khai trong tuần. Tại các cuộc họp giao ban hàng tuần, HĐQT đều cử thành viên HĐQT tham dự nhằm giám sát, theo dõi công tác quản lý điều hành và kịp thời có ý kiến điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT.

Các cuộc họp bất thường của Ban Tổng Giám đốc: Trong những giai đoạn cao điểm, cần đưa ra các quyết sách quan trọng, Ban Tổng Giám đốc tổ chức các cuộc họp bất thường để thảo luận và thống nhất các vấn đề, quyết sách được đặt ra. Trong một số trường hợp cần thiết, các Thành viên HĐQT được mời tham dự cuộc họp để giám sát, theo dõi và đưa ra ý kiến chỉ đạo.

Các cuộc họp HĐQT bất thường: HĐQT sẽ tiến hành họp nếu thấy cần thiết để đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, kết quả thực hiện các chủ trương của HĐQT, kết quả kinh doanh hàng tháng, thảo luận, xem xét kế hoạch kinh doanh tháng tiếp theo và đưa ra các chủ trương, quyết sách quan trọng đối với hoạt động của Công ty.

Trong năm 2021, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò qua các giải pháp điều hành SXKD kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra được Ban Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, nhanh chóng và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

Đánh giá tình hình tài chính - kế toán của Công ty

Trong năm 2021, thực hiện chức năng quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã tổ chức triển khai các công tác sau:

Rà soát, đánh giá tình hình tài chính - kế toán của Tập đoàn; Làm việc với Đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Về tình hình tài chính:

HĐQT xác nhận tình hình tài chính của Công ty trong năm 2021 là tốt và minh bạch, cụ thể:

Công ty tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán; Các chứng từ kế toán được Công ty quản lý chặt chẽ và lưu trữ có hệ thống theo quy định, đảm bảo truy xuất nhanh chóng, đầy đủ khi có yêu cầu kiểm tra, kiểm toán; Việc mở sổ kế toán và sổ quỹ được thực hiện đúng theo quy định hiện hành, thực hiện ghi chép, cập nhật kịp thời, chính xác các nghiệp vụ phát sinh trong ngày; Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đáp ứng các quy định, nguyên tắc, tiêu chuẩn về tài chính kế toán.

Công ty đã nỗ lực trong các công tác tiết giảm chi phí, đẩy mạnh bán hàng để ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD, kéo giảm dư nợ vay hiệu quả, đảm bảo tình hình cân đối tài chính của Công ty.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**Về Báo cáo tài chính:**

HĐQT xác nhận các thông tin trong báo cáo kinh doanh; báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm của Công ty (bao gồm các báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất) được trình bày một cách trung thực, hợp lý, nhất quán, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Dựa trên các báo cáo được Ban TGD trình bày tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, kết quả kiểm tra thực tế, cũng như số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, HĐQT nhận định tình hình tài chính của Công ty minh bạch, rõ ràng và lành mạnh.

Kiểm tra, giám sát các giao dịch với người có liên quan

Trong năm 2021, việc giám sát, kiểm tra các giao dịch với người có liên quan được thực hiện chặt chẽ, theo đúng quy định pháp luật, chi tiết như sau:

Việc giao kết, thực hiện các giao dịch đều phải thông qua HĐQT theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế giao dịch với người có liên quan hiện hành của Công ty, phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán hiện hành.

Việc giao kết, thực hiện các giao dịch đều dựa trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện theo đúng quy định pháp luật và quy định Công ty.

Các giao dịch đều được giao kết bằng văn bản, đảm bảo tính minh bạch, hài hòa lợi ích

của cổ đông và lợi ích của các bên tham gia giao dịch.

Trong năm 2021, phát sinh việc giao dịch mua cổ phiếu VGS của Chủ tịch HĐQT với số lượng 5.000.000 cổ phiếu và được thực hiện theo đúng Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Hoạt động quan hệ cổ đông

Trong năm 2021, Công ty đã cung cấp thông tin đến cổ đông kịp thời và chính xác, đảm bảo tính thống nhất và liên tục của thông tin. Bên cạnh đó, thông qua các kênh thông tin truyền thống như website, mạng xã hội... để các cổ đông có nhiều nguồn nắm bắt để đảm bảo quyền của tất cả cổ đông trên cơ sở bình đẳng, minh bạch.

Hoạt động công bố thông tin theo quy định pháp luật

Công ty luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC và thực hiện công bố thông tin một cách chính xác, kịp thời, theo đúng quy định pháp luật.

Bên cạnh việc công bố thông tin theo quy định, Các thông tin quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp cũng được Công ty kịp thời cập nhật và công bố đến cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán, cổ đông và nhà đầu tư.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ**

Nâng cao năng lực quản trị điều hành, gia tăng hiệu quả hoạt động, khai thác hiệu quả thế mạnh hiện có trong công tác kinh doanh. Chú trọng giữ vững thị trường hiện có, tập trung khai thác lợi thế cạnh tranh, nâng cao uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm, nhận diện cơ hội để phát triển. Tăng cường công tác tiếp thị marketing, chủ động tích cực tìm kiếm thị trường, mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Tập trung phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh đem lại lợi nhuận, khẳng định vị trí, thương hiệu VGS trên thị trường.

GIÁM SÁT HT QUẢN LÝ QUẢN TRỊ

Tăng cường công tác quản lý từ tổ chức quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh; Quản trị tài chính; Quản trị rủi ro; Quản trị các chi phí trong SXKD một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng tính chuyên nghiệp trong nghiệp vụ của ứng bộ phận cũng như trong sản xuất. Nâng cao ý thức trách nhiệm của Ban điều hành và người lao động.

Phát huy và tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật và giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm chi phí, tăng thu nhập cho người lao động.

Tiếp tục duy trì và phát huy hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001-2015 và Hệ thống quản lý về môi trường theo ISO 14001-2015.

Áp dụng các phương pháp tiến tiến trong điều hành sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động, sản lượng từng dòng sản phẩm, nghiên cứu đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong sản xuất.

Phối hợp chặt chẽ Ban điều hành Công ty triển khai các giải pháp quản trị kiểm soát và đánh giá các hoạt động từng tháng, quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã đề ra.



Giám sát kiểm tra việc thực hiện Quy chế nội bộ về quản trị, nếu thấy chưa phù hợp với thực tế sẽ điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp.

NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Tiếp tục triển khai các biện pháp nâng cao năng lực tài chính, quản trị chi phí hiệu quả, tối đa hóa các nguồn thu, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh toàn Công ty. Tìm kiếm cơ hội chuẩn bị cho kế hoạch huy động vốn để đầu tư dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City theo nhiều cách như phát hành cổ phiếu; phát hành trái phiếu có kỳ hạn thông qua các tổ chức tín dụng ngân hàng.....

Triển khai và lan tỏa mạnh mẽ quản trị chi phí hiệu quả; Kiểm soát đầu tư, sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Triển khai chiến lược phát triển thương hiệu gắn với việc thực hành văn hóa doanh nghiệp, phong trào học hỏi sáng tạo trong toàn Công ty.

Duy trì phát triển quảng bá thương hiệu theo nhiều phương thức để thương hiệu VGS ngày càng an tỏa sau và rộng.

Xây dựng và triển khai mạnh mẽ văn hóa doanh nghiệp, học hỏi sáng tạo trong các hoạt động của từng phòng ban/bộ phận.

TRIỂN KHAI DỰ ÁN KĐT VIỆT ĐỨC

Điều hành, chỉ đạo và đôn đốc Ban điều hành để tập trung triển khai tiếp tục công tác GPMB và hạ tầng của Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City giai đoạn 1 để thực hiện kế hoạch khởi công xây dựng trong thời gian sớm nhất.



**BÁO CÁO
BAN KIỂM SOÁT**

.....

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Ban kiểm soát đã triển khai, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, góp phần cùng toàn Công ty hoàn thành toàn diện kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các thành viên Ban kiểm soát đều hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ và các cuộc hội ý, trao đổi; cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.



Thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban	0	0
Lê Quý Minh	Thành viên	0	0
Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	0	0

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát đầy đủ, kịp thời, đảm bảo chất lượng các nội dung giám sát theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

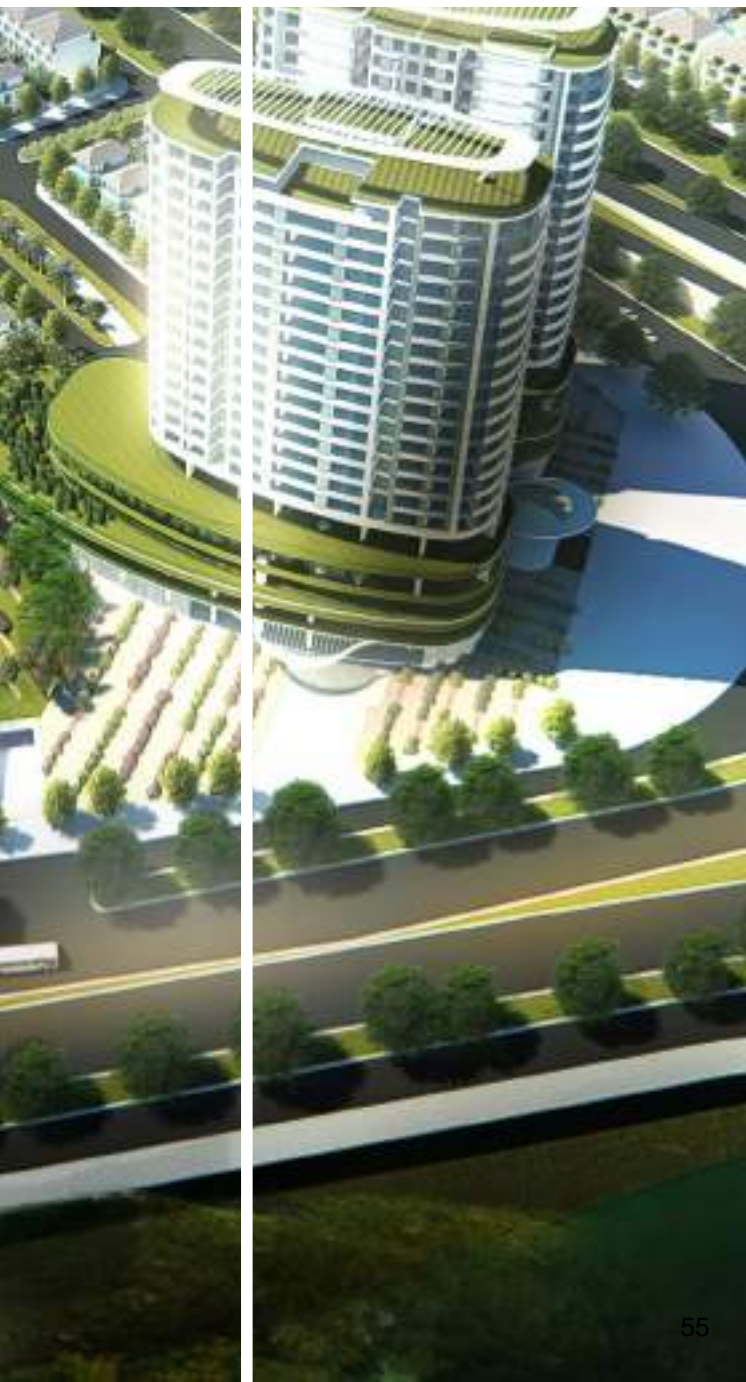
Qua giám sát, Ban Kiểm soát đã có các đề xuất, kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư của Công ty.

Các đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định.

Giám sát thực hiện theo Pháp luật và Điều lệ Công ty

Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy năm 2021 hoạt động của Công ty đã bám sát các định hướng, chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã phê duyệt.

HĐQT và Ban Điều hành đã đề ra chương trình hành động cụ thể đảm bảo triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hiệu lực, hiệu quả trong toàn Công ty, luôn chủ động nâng cao năng lực quản trị, tăng cường áp dụng thời thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định mới của pháp luật để bổ sung, sửa đổi điều lệ, cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định cho phù hợp.



GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2021

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị thành viên trong công ty triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 16/4/2021. Kết quả cụ thể như sau:

Về Kết quả kinh doanh năm 2021

Đã hoàn thành tốt toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

Công ty mẹ: Doanh thu 3.990 tỷ đồng đạt 99,7% so Kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 73,5 tỷ đồng đạt 144,1% so Kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế 58,7 tỷ đồng đạt 143,2% so Kế hoạch

Hợp nhất: Doanh thu 6.694 tỷ đồng đạt 101,4% so Kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 156,4 tỷ đồng đạt 184,0% so Kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế 128,9 tỷ đồng đạt 171,9% so Kế hoạch.

Nhận xét: Mặc dù trong bối cảnh dịch bệnh hết sức căng thẳng cũng như tình hình Kinh tế liên tục có những diễn biến không mấy tích cực, nhưng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã nỗ lực và sát sao các hoạt động của Công ty, đưa ra các chiến lược, quyết định kịp thời với tình hình thực tế. Khai thác tối đa các nguồn vốn vay có lãi suất thấp để vay vốn hoạt động, quản lý dòng tiền cũng như vòng quay phải thu, hàng tồn kho tốt nên kết quả kinh doanh năm 2021 hiệu quả cao

Về việc trích lập các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế năm 2021

Năm 2021 Ban điều hành đã trích lập các quỹ của phần lợi nhuận sau thuế gồm Quỹ khen thưởng 5% và Quỹ Phúc lợi, từ thiện 5% theo đúng phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2021/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 16/04/2021.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021 (tiếp theo)



Việc chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021

Đã thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với mức chi trả thấp hơn mức phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết số 01/2021/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 16/04/21.



Về việc cổ đông nội bộ Ông Lê Minh Hải - Chủ tịch HĐQT và người liên quan khi mua/nhận chuyển nhượng Cổ phiếu của CTCP Ông thép Việt Đức VG PIPE (Mã CK: VGS) để nâng tỷ lệ sở hữu của đến mức tối đa 80%/Vốn điều lệ trở lên mà không phải thực hiện thủ tục Chào mua công khai.

Trong năm Ông Lê Minh Hải – Chủ tịch HĐQT đã thực hiện mua 5.000.000 cổ phần nâng tỷ lệ sở hữu của Ông Lê Minh Hải và người có liên quan lên 56,2% và đã làm các thủ tục báo cáo thực hiện giao dịch theo đúng quy định

Về việc Chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ chia 10%/Mệnh giá cổ phiếu bằng tiền mặt

Trong năm 2021 HĐQT đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 16/4/21

Việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC

Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2021.

GIÁM SÁT QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Qua giám sát, Ban Kiểm soát ghi nhận năm 2021, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai đầy đủ, đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua. Các hoạt động, chỉ đạo của HĐQT được thể hiện thông qua Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền, tuân thủ Điều lệ, và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Các nội dung chỉ đạo trong năm tập trung về việc thông qua triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2021. Rà soát, cơ chế chính sách chế độ, kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nhân lực và chuẩn hóa công tác cán bộ; Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực của công tác kiểm tra giám sát; Chỉ đạo các đơn vị xây dựng các chiến lược phát triển trung và dài hạn làm nền tảng cho việc quản trị, điều hành, triển khai hoạt động kinh doanh Công ty.

Phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Công ty theo quy định,... Tổng Giám đốc đã hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể và tổ chức thực hiện trong từng thời điểm cho phù hợp, kịp thời báo cáo HĐQT kết quả thực hiện cũng như những tồn tại, vướng mắc và đề xuất để HĐQT xem xét xử lý, điều chỉnh phù hợp...



Báo cáo **BAN KIỂM SOÁT**

Kiểm tra, giám sát và cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết:

Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra giám sát và cập nhật kịp thời danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, đồng thời giám sát việc công bố thông tin đối với các thay đổi.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BCTC NĂM 2021

Báo cáo tài chính năm 2021 được lập theo Chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 và đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, kịp thời, các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan hữu quan và nhà đầu tư;

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính. Trong báo cáo tài chính không có ngoại trừ của Công ty kiểm toán.

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động tài chính và báo cáo năm 2021 của Công ty kiểm toán.

Các công tác khác

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiều hoạt động thường xuyên, đột xuất khác như thực hiện giám sát việc tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành Công ty;

Tham gia ý kiến xây dựng các văn bản nội bộ Công ty; tham gia công tác lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập và phối hợp với kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty



ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP BKS VỚI HĐQT VÀ ĐBH NĂM 2021

Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong lãnh vực sản xuất thép, có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy HĐQT có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo công ty.

Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo điều lệ công ty, việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo nguyên tắc: tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ và vì lợi ích chung của Công ty.

Trong năm 2021, trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, HĐQT đã có những cơ chế phối hợp hoạt động và trao đổi thông tin giữa HĐQT, Tổng Giám đốc, các bộ phận, đơn vị trực thuộc. Yêu cầu mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận có liên quan đều được thông báo, phổ biến, tuyên truyền về chính sách, quy trình, mục tiêu kinh doanh, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CỦA BKS

Nhằm thực hiện tốt vai trò đại diện cho cổ đông để quyết định các chính sách điều hành Công ty, trong năm 2022 Ban kiểm soát khuyến nghị HĐQT và Ban điều hành Công ty thực hiện một số nội dung sau:

Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, kiểm soát số liệu, việc chấp hành tuân thủ các quy định về môi trường, ATLĐ, phòng chống cháy nổ, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Củng cố và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình của Công ty cho phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sắp xếp nhân lực cho các dự án phù hợp để bộ máy của công ty tinh gọn, góp phần giảm chi phí cho Công ty



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2022, BKS xây dựng trọng tâm công tác năm 2022 như sau:

Thực hiện nhiệm vụ giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tính tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty.

Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty; Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Giám sát việc thực thi và soát xét nội dung công bố thông tin của Công ty đảm bảo tính kịp thời, minh bạch.



The image features a blue background with a white grid pattern. A stylized world map is visible in the upper half, with landmasses in white and grey. In the lower half, a city skyline with various skyscrapers is shown, reflected in a light blue surface below. The text is centered in the middle of the image.

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỔNG QUAN BÁO CÁO BỀN VỮNG

Ngành Thép là một trong số ít những ngành công nghiệp thực hiện Báo cáo phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu. Báo cáo phát triển bền vững của ngành thép đầu tiên ban hành vào năm 2004 và được duy trì thực hiện hàng năm trên cơ sở bộ chỉ số hiệu quả hoạt động về môi trường, xã hội và kinh tế. Báo cáo bền vững ở phạm vi toàn cầu là một trong những nỗ lực chủ yếu mà ngành thép thực hiện để quản lý hiệu quả hoạt động, thể hiện cam kết đối với sự bền vững và gia tăng tính minh bạch.

Nội dung phát triển bền vững	<p>Báo cáo phát triển bền vững của THÉP VIỆT ĐỨC được định hướng thực hiện nhằm xem xét và đánh giá lại các nguyên tắc thực hành phát triển bền vững tại công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết. Nội dung báo cáo thể hiện cách tiếp cận của Công ty đối với các vấn đề phát triển bền vững.</p> <p>Trong năm qua, mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn thách thức, Công ty vẫn chủ động thực hiện liệt kê và phân tích danh mục các yếu tố đã, đang và có khả năng tác động tích cực, tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, từ đó ưu tiên theo mức độ ảnh hưởng của đến các bên liên quan và loại dần các vấn đề không tác động đáng kể. Việc xác định ưu tiên lĩnh vực trọng yếu giúp Công ty nâng cao công tác quản lý và kiểm soát từng vấn đề đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan và hiểu rõ hơn các vấn đề quan trọng có ảnh hưởng tới tính chất ngành nghề hoạt động của Công ty, đồng thời cũng là vấn đề được các bên quan tâm nhất.</p>
Phạm vi Báo cáo	<p>Cơ sở dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2021 của Công ty, bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 31/12/2021. Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động thường xuyên được thực hiện tại Công ty mẹ và Công ty con, công ty liên kết. Báo cáo phản ánh kết quả hoạt động trong năm tài chính 2021, đồng thời đề ra những định hướng và mục tiêu trong những năm tiếp theo đối với chiến lược phát triển bền vững của THÉP VIỆT ĐỨC.</p>
Cách thức xác định nội dung Báo cáo	<p>Cách tiếp cận các vấn đề phát triển bền vững của Công ty xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của toàn xã hội. Những vấn đề liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững tiếp tục được THÉP VIỆT ĐỨC đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, xác định rõ các vấn đề trọng yếu để từ đó thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện đầy đủ hơn trong nội dung báo cáo phát triển bền vững năm tài chính 2021.</p>
Phạm vi Báo cáo	<p>Báo cáo được lập tại Việt Nam, về lĩnh vực ngành nghề sản xuất, kinh doanh Ống thép, tôn mạ kẽm và Thép xây dựng, được thực hiện đối với hoạt động của Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE và Công ty con, công ty liên</p>
Thông tin liên hệ	<p>Mọi ý kiến đóng góp của Quý Khách hàng, Quý cổ đông và đối tác, Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ: Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE KCN Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc Điện thoại: 0211.3 887 863 Fax: 0211.3 888 562 Website: www.vgpipe.com.vn</p>

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Khách hàng

Chúng tôi nâng cao chất lượng sản phẩm và liên tục mở rộng hệ thống phân phối, kịp thời mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất.

Lấy “Sự hài lòng của khách hàng làm thước đo đánh giá sự thành công”, mỗi CBNV phải quan tâm, lắng nghe trên tinh thần cầu thị và sẵn sàng thỏa mãn những yêu cầu của khách hàng trong suốt quá trình tương tác.

Thể hiện sự tri ân đối với khách hàng thông qua tổ chức hội nghị khách hàng, những chương trình khuyến mãi và chính sách hấp dẫn sau bán hàng.

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật tại thị trường trong và ngoài nước; chính sách giá cả hợp lý và cạnh tranh, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích người tiêu dùng và lợi ích doanh nghiệp...

Tích cực tham gia bảo vệ người tiêu dùng trước vấn nạn thép giả bằng cách truyền thông rộng rãi những phương pháp phân biệt sản phẩm chính hãng và sản phẩm giả, kém chất lượng, giúp khách hàng, người tiêu dùng tránh được những mảnh khoe gian lận thương mại, đúng với phương châm

“Lợi ích khách hàng là then chốt”.

Cổ đông – Nhà đầu tư

Luôn ý thức thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chủ động công bố những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định đầu tư của nhà đầu tư, giúp cổ đông, nhà đầu tư theo sát diễn biến hoạt động của doanh nghiệp.

Thường xuyên tổ chức các chương trình, hội nghị công khai nhằm giúp nhà đầu tư, khách hàng và đối tác có cái nhìn toàn diện hơn về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty trong ngắn hạn

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Cổ đông – Nhà đầu tư (tiếp theo)

và dài hạn bao gồm: tổ chức các cuộc họp thường niên và bất thường; các chương trình hội nghị khách hàng; tham gia gặp gỡ, trao đổi với các nhà cung cấp;...

Việc trao đổi, tiết lộ thông tin phải công bằng, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng đối với tất cả nhà đầu tư.

Không tùy tiện tiết lộ thông tin của nhà đầu tư, cổ đông khi chưa được cho phép hoặc khi không có sự yêu cầu của cơ quan pháp luật.

Nhà cung cấp

Nhà cung ứng đóng vai trò tối quan trọng trong sự thành công của THÉP VIỆT ĐỨC, vì thế Công ty luôn duy trì các mối quan hệ tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau với các nhà cung ứng.

Không lạm dụng quy mô lợi thế để chèn ép và đưa ra những yêu sách vô lý đối với nhà cung ứng, đồng thời cũng không hợp tác với các đơn vị có hành vi lôi kéo hay chi hoa hồng, tiền bồi dưỡng, hiện vật, quà tặng.. cho nhân viên của Thép Việt Đức. Điều này được thể hiện như một điều khoản không thể thiếu trong tất cả các hợp đồng giữa Công ty và nhà cung ứng.

Lựa chọn nhà cung ứng một cách công bằng dựa trên hồ sơ về năng lực, sự uy tín trong hợp tác, kinh nghiệm trên thị trường.

Không tiết lộ thông tin mật của nhà cung ứng cho đối thủ cạnh tranh của họ

Đối thủ cạnh tranh

Duy trì mối quan hệ với đối thủ cạnh tranh bằng tất cả thiện chí và không ngừng học hỏi từ những thành công của họ. Không nói xấu hoặc có hành động phá hoại công ty đối thủ, đồng thời công nhận những thành công và tôn trọng lợi ích của họ.

Cam kết cạnh tranh công bằng, không thông đồng hoặc có các hoạt động gây ảnh hưởng đến giá cả thị trường, không tiếp nhận những thông tin có thể là bí mật về đối thủ cạnh tranh. Linh hoạt ứng phó trước sự cạnh tranh gay gắt, nhất quán với nguyên tắc kinh doanh trung thực, lấy chất lượng, uy tín và thương hiệu đặt lên hàng đầu. Tôn trọng và tuân thủ luật chống độc quyền, luật cạnh tranh, đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh, tự do và cởi mở.



NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ý thức được yếu tố con người chính là cốt lõi của sự phát triển, Công ty luôn áp dụng các chế độ phúc lợi, các chính sách đãi ngộ hấp dẫn cũng như xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, thi đua cùng phát triển cho CBNV. Duy trì mức thu nhập của CBNV luôn cao hơn so với mặt bằng chung của thị trường lao động và phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu ban hành, sửa đổi một số chính sách về lương, thưởng, phụ cấp rõ ràng và công bằng sao cho thỏa đáng với công sức và tâm huyết của người lao động.

Cam kết đảm bảo lợi ích, quyền lợi và an toàn nghề nghiệp cho người lao động theo quy định pháp luật cũng như phản đối mọi hình thức lao động cưỡng bức. Quản trị trên cơ sở tôn trọng người lao động bao gồm tôn trọng quyết định, mong muốn, nguyện vọng, quyền tự do và các quyền hợp pháp khác.



CƠ QUAN QUẢN LÝ

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, ATLĐ, đóng góp vào ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Chỉ ra những bất cập trong quá trình thực thi các chính sách, quy định của Nhà nước.

TRUYỀN THÔNG

Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí, truyền hình trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp.

Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp báo chí có thông tin chính xác về tình hình hoạt động của Công ty.

Bình tĩnh xử lý các sự cố truyền thông với thái độ cầu thị, phát ngôn chuẩn mực trước những phản đối và cáo buộc.

Đưa ra những thông tin, khuyến cáo về tình trạng ồng và thép giả để báo chí kịp thời truyền thông đến khách hàng.

TRÁCH NHIỆM CÔNG ĐỒNG

Công ty luôn đặt trách nhiệm đối với xã hội lên hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của mình.

Cam kết đặt yếu tố môi trường lên trên sự phát triển, hạn chế đến mức tối thiểu sự tác động đến môi trường trong quá trình triển khai và đưa vào hoạt động các dự án sản xuất.

Khẳng định tinh thần làm việc với tất cả lương tâm và trách nhiệm sao cho vừa bảo vệ được môi trường vừa tạo được sự tăng trưởng cho xã hội, đất nước.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình, hoạt động từ thiện và tài trợ, chung tay góp sức xây dựng cộng đồng ngày một phát triển.

Bằng những đóng góp tích cực cho xã hội, Công ty đã gây dựng được hình ảnh một doanh nghiệp có ý thức, trách nhiệm cao đối với xã hội, mang lại những giá trị tốt nhất cho cộng đồng.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ KINH TẾ

Kế thừa và phát huy thành tựu của các giai đoạn trước, đến nay, VG PIPE tiếp tục đổi mới và tái cấu trúc toàn diện hoạt động, hướng tới chất lượng, hiệu quả. VG PIPE đã đạt được những kết quả tăng trưởng tích cực, bền vững về

kinh tế trên, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở lấy khách hàng làm trung tâm; nâng cao năng lực quản trị rủi ro phù hợp với quy mô tăng trưởng và mức độ phức tạp gia tăng trong hoạt động kinh doanh; chủ động hoàn thiện cơ cấu tổ chức, đổi mới trong công tác quản trị nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh. Cùng với tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô và hiệu quả, VG PIPE luôn kiểm soát tốt chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu hạn chế mức tối đa.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, VG PIPE ưu tiên nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng mạnh về quy mô hoạt động, tạo lợi thế vững chắc về uy tín, thương hiệu, mạng lưới, nền tảng khách hàng. Hoạt động kinh doanh theo hướng tập trung tăng trưởng chất lượng, hiệu quả, an toàn, gắn với chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu khách hàng, ngành hàng.

VG PIPE luôn đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển bền vững và quản trị rủi ro hiệu quả, đồng thời chú trọng công tác thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, biện pháp nhằm kiểm soát và tiết giảm chi phí, quản trị chi phí chặt chẽ, hiệu quả thông qua nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, phân bổ chi phí, công tác giao kế hoạch gắn với quản trị hiệu quả sử dụng chi phí, theo dõi giám sát chặt chẽ công tác sử dụng chi phí trong toàn Công ty. Với những nỗ lực phát triển bền vững về kinh tế, giá trị và sức mạnh thương hiệu ngày càng được khẳng định, nâng cao đối với công chúng, đối tác và cổ đông.

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thực hiện đúng quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể được ký kết nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động.

Theo đó, người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện các giải pháp ổn định sản xuất, phát triển kinh doanh nhằm đảm bảo việc làm và góp phần tăng thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đào tạo phát triển nhân viên, chính sách lương thưởng đãi ngộ, tạo môi trường làm việc an toàn, thoải mái và có lợi cho người lao động. Song song đó, người lao động phải hoàn thành tốt công việc được giao; tuân thủ các quy định làm việc và nội quy của Công ty; có sáng kiến đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; cam kết làm việc sau đào tạo tùy theo kinh phí tài trợ đào tạo; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn vệ sinh lao động, PCCC.

Thỏa ước này do đại diện của tập thể người lao động và người sử dụng lao động thương

lượng và ký kết trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và công khai. Ngoài thỏa ước lao động tập thể, nhằm hướng đến sự phát triển bền vững. Công ty còn chú trọng thiết lập mối quan hệ hài hòa giữa người sử dụng lao động và Người sử dụng lao động thông qua các nội dung điển hình như sau:

Tổ chức đối thoại với người lao động theo định kỳ;

Tất cả nhân viên đều được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật;

Báo cáo định kỳ tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

Giải thích rõ mục đích, ý nghĩa của việc đánh giá, xếp loại CBCNV;

Giải đáp thắc mắc, kiến nghị của người lao động trong các cuộc họp;

Tất cả nhân viên đều được đối xử bình đẳng và hưởng sự bảo vệ thích đáng trước mọi hành vi phân biệt đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp. Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.



AN TOÀN - CHĂM LO SỨC KHỎE CNV

Để bảo đảm sức khỏe làm việc lâu dài cho tất cả CBNV, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan đến ATLĐ, xây dựng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

Các tiêu chuẩn, quy phạm của Nhà nước cũng như nội quy, quy chế của Công ty về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp đều được bộ phận An toàn lao động cập nhật kịp thời và phổ biến đầy đủ đến người lao động trước khi tham gia vào dây chuyền sản xuất.

CBNV được trang bị dụng cụ bảo hộ đạt tiêu chuẩn chất lượng, được mua bảo hiểm và khám sức khỏe định kỳ để hạn chế tối đa những rủi ro cũng như phát hiện bệnh và điều trị kịp thời. Chính sách bồi dưỡng bằng hiện vật đối với CBNV làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại, ảnh hưởng đến sức khỏe cũng được thực hiện theo quy định hiện hành. Ở kho bãi, nhà xưởng, văn phòng được trang bị các hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy, bình bột, bình CO2,...

Hàng năm, Công ty tổ chức tập huấn an toàn lao động cho tất cả CBNV nói chung và cho CBNV trực tiếp sản xuất nói riêng về sơ cấp cứu, an toàn lao động, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn điện, an toàn thiết bị nâng, PCCC,...

Nơi làm việc của công ty luôn đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng, các yếu tố như bụi bẩn, khí độc, tiếng ồn,... được đo lường kỹ lưỡng, tránh gây hại cho môi trường và sức khỏe NLD.

Công ty có thành lập Phòng y tế, có nhân viên y tế trực 24/24 để kịp thời sơ cứu, xử lý các tình huống khẩn cấp cũng như chăm sóc sức khỏe cho CBNV. Đồng thời, mỗi dây chuyền có trang bị tủ dụng cụ y tế để sơ cứu tại chỗ nhằm đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho CBNV.

CÁC HOẠT ĐỘNG VỀ ATLĐ VÀ CHĂM LO SỨC KHỎE CBCNV

Thực hiện che chắn, cảnh báo các khu vực nguy hiểm. Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo đúng kế hoạch. Điều chỉnh, cải tiến máy móc thiết bị để công nhân vận hành an toàn hơn. Kiểm định đúng thời hạn các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe nghề nghiệp nhằm phát hiện sớm các bệnh lý để kịp thời điều trị. Thực hiện bồi dưỡng độc hại cho CBNV làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại.

Bố trí phòng y tế riêng biệt tại khu vực sản xuất, hoạt động 24/24 đảm bảo chăm sóc tốt nhất cho người lao động.





TUYÊN TRUYỀN – TẬP HUẤN ATLĐ

Năm 2021, Công ty đã tổ chức các khóa huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động như:

Khóa huấn luyện an toàn lao động chung cho toàn bộ CBNV. Khóa huấn luyện An toàn lao động cho công nhân vận hành thiết bị nâng, công nhân vận hành thiết bị áp lực, công nhân bảo trì điện, công nhân hàn cắt kim loại và khóa huấn luyện cho công nhân làm việc trên cao. Khóa tập huấn về an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ.

Ngoài ra, ban An toàn lao động, tổ Giám sát nội quy còn tiến hành kiểm tra, nhắc nhở hằng ngày CBNV về việc tuân thủ các nội quy, quy định an toàn lao động của Công ty.

BIỆN PHÁP VỀ PCCC

Đội PCCC cơ sở được tổ chức đúng theo yêu cầu của luật định. Định kỳ hằng năm, mời cảnh sát PCCC đến phổ biến các quy định mới về PCCC cũng như cách sử dụng thiết bị PCCC, phương án chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Tổ chức diễn tập PCCC ít nhất 1 lần/năm, sẵn sàng khi xảy ra tình huống xấu nhất.

Bình chữa cháy được sạc nạp thường xuyên, đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng. Thay mới các bình chữa cháy đã sử dụng lâu, không đảm bảo yêu cầu về chữa cháy. Hệ thống báo cháy được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hằng năm bởi đơn vị có năng lực. Kiểm tra định kỳ an toàn hệ thống điện, sửa chữa khắc phục kịp thời những hiện trạng mất an toàn để dẫn đến chập điện.

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ

Năm 2021 là một năm kinh tế đầy thách thức không chỉ đối với nền kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam và ngành thép nói riêng trong đó có Thép Việt Đức. Tuy vậy, Ban Lãnh đạo đã có những giải pháp thiết thực, để Công ty hoàn thành tốt các kế hoạch mà ĐHCĐ đã đề ra. Năm qua Công ty cũng đã sửa đổi, bổ sung và ban hành một số chính sách lương để phù hợp với tình hình kinh doanh từng thời điểm nhằm đảm bảo thu nhập của CBCNV toàn Công ty.

Các khoản hỗ trợ như hỗ trợ xăng xe, nhà ở, đi lại, điện thoại, hỗ trợ chi nhánh khó khăn, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ thai sản... vẫn được duy trì. Các khoản hỗ trợ này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng, tạo động lực, giúp người lao động yên tâm làm việc

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM VÀ CHẾ ĐỘ KHÁC

Các CBCNV sau khi hết thời hạn thử việc một tháng thì đều được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Công ty luôn áp dụng mức lương tối thiểu cho CBCNV theo quy định của luật lao động. Ngoài ra, Công ty vẫn duy trì chế độ mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty (bao gồm cả nhân viên thử việc) với mức bảo hiểm tối đa là 100 triệu đồng/người/vụ.

Ngoài việc xây dựng và thực hiện các chính sách lương phù hợp với tình hình sản xuất hoạt động kinh doanh, khen thưởng linh hoạt, các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật, Công ty còn áp dụng các chế độ phúc lợi khác như: tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên vào các dịp kỷ niệm, có nhà ăn tập thể phục vụ ăn

hàng ngày cho cán bộ công nhân viên, cấp phát đồng phục cho nhân viên, trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ đúng theo quy định pháp luật; xe đưa đón CBCNV, tổ chức, tặng quà nhân viên nữ nhân ngày mùng 8/3 và 20/10, tổ chức thăm hỏi CBCNV và người thân bị ốm đau, hiếu, hỷ của từng CBCNV trong Công ty.

Kết hợp cùng với Công đoàn cơ sở, Công ty còn quan tâm, chăm lo đến đời sống CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ xe đưa CBCNV về quê ăn Tết, tặng quà cho con của CBCNV hàng năm nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi.

Trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường.

Cụ thể hàng năm, trang bị đầy đủ các kiến thức cũng như kỹ năng an toàn lao động trong sản xuất cho tất cả CBCNV nói chung và cho CBCNV trực tiếp sản xuất nói riêng bằng việc tổ chức các khóa đào tạo cho nội dung an toàn trong lao động như sơ cấp cứu, an toàn lao động, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn điện, an toàn thiết bị nâng, PCCC... Và hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV, dựa vào kết quả phân loại khám sức khỏe để có hướng giải quyết các trường hợp bệnh nặng hoặc nhẹ đảm bảo sức khỏe cho người lao động yên tâm công tác. Công ty đã chủ động thực hiện và luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường Ngoài việc chi trả chi phí điều trị, bồi thường/trợ cấp theo đúng quy định của pháp luật và tùy từng mức độ nặng nhẹ của các vụ tai nạn lao động mà công ty còn có chính sách hỗ trợ riêng nhằm bù đắp, động viên cũng như bồi dưỡng để tái tạo lại sức lao động cho CBCNV.

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN ĐOÀN KẾT

Bên cạnh việc xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp, khích lệ thì môi trường làm việc cũng là một yếu tố quan trọng để người lao động gắn bó với doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn cố gắng duy trì và xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết bằng cách tổ



chức các hoạt động phong trào để gắn kết CBCNV với nhau cũng như giữa CBCNV và Công ty. Trong năm 2021, Công đoàn cơ sở phối hợp với Công ty đã tổ chức những hoạt động văn nghệ, hội thao, thể thao...





BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhận thức môi trường là nguồn tài nguyên quý giá của con người, từ nhiều năm qua, VGS luôn đề cao và nỗ lực thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng, tuân thủ quy định về bảo vệ môi sinh nhằm giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG MÔI TRƯỜNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

Quá trình xây dựng, Công ty sẽ tiến hành áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, ATLĐ. Tuy nhiên, không tránh khỏi những tác động tới môi trường mang tính nhất thời như:

Bụi và tiếng ồn do quá trình đào đất xây nền móng nhà xưởng. Tiếng ồn do động cơ chuyên chở đất đá, nguyên vật liệu xây dựng; Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.

Quá trình xây dựng có thể xảy ra các sự cố như: cháy nổ, tai nạn lao động. Ô nhiễm do chất thải rắn từ các hoạt động xây dựng chủ yếu là sắt vụn, gỗ, cốp pha, rác sinh hoạt. Khí thải các phương tiện giao thông. Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt. Khí thải như: Bụi; Tiếng ồn. Chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt và dầu thải. Các nguồn chất thải này sẽ tác động đến các đối tượng như: Môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất và môi trường xã hội. Quy mô tác động chủ yếu tập trung trong khu vực thực hiện dự án.

BP GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Để giảm thiểu tác động đến các yếu tố môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường như sau:

Để giảm thiểu tác động đến các yếu tố môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường như sau:

PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Tất cả các nguồn thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường đều được nhận dạng và có thiết kế hợp lý để giảm thiểu tới mức tối đa các nguồn ô nhiễm này. Đồng thời, đầu tư công nghệ và thiết bị hiện đại. Sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải.

XỬ LÝ CÁC CHẤT Ô NHIỄM

Nhà máy sẽ lắp đặt hệ thống thông gió để khử bụi và hơi khí độc sinh ra các công đoạn và các vị trí sản xuất. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải để xử lý nguồn nước thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý của khu công nghiệp. Nhà máy sẽ xây dựng nhà chứa chất thải rắn, quản lý chặt chẽ rác thải, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường và người lao động.

Ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt và các loại chất thải sản xuất có thể tái chế cũng như các loại chất thải phải xử lý với Công ty Môi trường đô thị.

The background features a dark blue field with glowing orange and yellow lines that curve and flow across the frame. In the center, there is a faint, stylized bar chart with vertical bars of varying heights, some in blue and some in orange. The overall aesthetic is modern and digital, suggesting data analysis and financial reporting.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đã được kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-37

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Ủy viên
Ông Bùi Văn Hiệu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban
Ông Lê Quý Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Số: 240322.006/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 10 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue handwritten signature, likely belonging to the auditor.

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		898.811.864.772	932.186.774.233
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.118.795.994	22.309.490.292
111	1. Tiền		14.118.795.994	22.309.490.292
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		466.872.337.738	565.541.159.394
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	418.393.103.795	563.104.859.966
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.854.775.107	10.293.932.025
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	47.694.466.167	7.021.675.193
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.070.007.331)	(14.879.307.790)
140	IV. Hàng tồn kho	9	414.904.263.638	335.936.090.407
141	1. Hàng tồn kho		414.904.263.638	335.936.090.407
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.916.467.402	8.400.034.140
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	1.150.130.065
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.916.467.402	7.249.904.075
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		587.758.337.728	412.545.913.129
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.300.000	47.501.823.638
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	47.501.823.638
220	II. Tài sản cố định		133.644.402.664	145.580.110.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	116.333.396.529	127.920.716.749
222	- Nguyên giá		315.855.501.150	316.621.787.734
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(199.522.104.621)	(188.701.070.985)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	17.311.006.135	17.659.393.735
228	- Nguyên giá		22.365.266.201	22.365.266.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.054.260.066)	(4.705.872.466)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		291.471.553.287	46.620.873.607
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	291.471.553.287	46.620.873.607
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	146.590.000.000	146.590.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		66.640.000.000	66.640.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.865.081.777	26.253.105.400
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	15.865.081.777	26.253.105.400
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.486.570.202.500	1.344.732.687.362

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		842.052.716.556	710.935.411.199
310	I. Nợ ngắn hạn		716.081.227.770	692.413.509.949
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	323.155.537.393	355.553.168.810
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.069.280.446	648.228.933
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.405.825.834	13.386.093.447
314	4. Phải trả người lao động		10.598.526.450	9.225.722.070
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	950.031.633	1.237.051.840
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.517.114.775	2.517.879.954
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	665.216.338	627.805.268
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	357.339.627.683	282.638.097.273
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		15.380.067.218	26.579.462.354
330	II. Nợ dài hạn		125.971.488.786	18.521.901.250
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	118.671.488.786	3.221.901.250
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	7.300.000.000	15.300.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		644.517.485.944	633.797.276.163
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	644.517.485.944	633.797.276.163
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		421.115.890.000	421.115.890.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		421.115.890.000	421.115.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		35.305.514.412	35.305.514.412
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.959.882.008	1.959.882.008
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		116.300.812.825	105.580.603.044
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước:		63.469.014.044	49.442.373.481
421b	LNST chưa phân phối năm nay		52.831.798.781	56.138.229.563
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.486.570.202.500	1.344.732.687.362



Vũ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	3.989.388.647.918	4.071.597.302.046
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	10.499.313.219	18.102.243.690
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.978.889.334.699	4.053.495.058.356
11	4. Giá vốn hàng bán	23	3.797.733.158.447	3.850.154.936.168
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		181.156.176.252	203.340.122.188
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	783.454.528	27.652.042
22	7. Chi phí tài chính	25	16.236.804.414	20.109.515.157
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>16.218.947.261</i>	<i>20.108.958.509</i>
25	8. Chi phí bán hàng	26	61.516.836.219	93.579.545.873
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	30.985.084.284	6.781.498.355
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		73.200.905.863	82.897.214.845
31	11. Thu nhập khác	28	964.449.712	484.457.850
32	12. Chi phí khác	29	630.339.845	660.397.750
40	13. Lợi nhuận khác		334.109.867	(175.939.900)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		73.535.015.730	82.721.274.945
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	14.833.017.085	16.676.298.988
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>58.701.998.645</u>	<u>66.044.975.957</u>

Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		73.535.015.730	82.721.274.945
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.705.131.924	13.359.195.160
03	- Các khoản dự phòng		3.190.699.541	(17.869.824.408)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		43.099	556.648
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(386.918.690)	(23.123.739)
06	- Chi phí lãi vay		16.218.947.261	20.108.958.509
07	- Các khoản điều chỉnh khác		119.414.685	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		105.382.333.550	98.297.037.115
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		153.743.148.206	(26.691.143.153)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(78.968.173.231)	(26.138.599.356)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		79.829.496.235	144.356.457.395
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.538.153.688	5.540.784.364
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16.216.416.520)	(20.111.162.335)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22.895.713.673)	(10.687.956.935)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.960.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.075.555.000)	(1.944.096.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		215.343.233.255	162.621.320.595
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(248.899.456.918)	(2.997.164.739)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		772.727.272	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.362.532	23.123.739
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(248.099.367.114)	(2.974.041.000)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.592.361.584.975	2.463.598.439.885
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.525.660.054.565)	(2.583.853.343.255)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(42.136.047.750)	(29.454.258.085)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		24.565.482.660	(149.709.161.455)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.190.651.199)	9.938.118.140
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.309.490.292	12.371.928.800
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(43.099)	(556.648)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	14.118.795.994	22.309.490.292



Vũ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 421.115.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 421.115.890.000 đồng; tương đương 42.111.589 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 342 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 346 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ống ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kê-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Năm 2021, do ảnh hưởng từ tình hình Covid19 nặng nề, tình hình tiêu thụ của Công ty gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao trong khi giá bán không thể điều chỉnh kịp thời tương ứng đã làm cho lợi nhuận gộp của Công ty giảm mạnh ảnh hưởng một phần kết quả kinh doanh năm 2021, làm cho lợi nhuận sau thuế giảm so với năm 2020.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55,056 m² đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	584.483.607	460.887.618
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.534.312.387	21.848.602.674
	14.118.795.994	22.309.490.292

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Dao Động, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
	146.590.000.000	-	146.590.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Việt Đức là 99,94%.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất thép chất lượng cao. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức là 28,6%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 3.4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần XNK và TM Tổng Hợp Miền Bắc	155.389.379.570	-	315.480.693.769	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	42.712.017.846	-	51.174.967.251	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	106.356.504.295	-	36.526.064.190	-
Phải thu khách hàng khác	113.935.202.084	(18.070.007.331)	159.923.134.756	(14.879.307.790)
	418.393.103.795	(18.070.007.331)	563.104.859.966	(14.879.307.790)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	-	-	18.128.995.246	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và Sản Xuất Minh Khánh	4.848.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Quang Minh	1.137.000.000	-	1.137.000.000	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt	6.891.513.354	-	5.394.256.677	-
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Reenco Việt Nam	481.200.000	-	1.056.810.000	-
Công ty cổ phần Nghệ thuật Nguyễn Việt Thanh	2.502.500.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.994.561.753	-	2.705.865.348	-
	18.854.775.107	-	10.293.932.025	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	239.100.000	-	3.637.412.245	-
Ký cược, ký quỹ	5.760.000.000	-	3.370.000.000	-
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Bình Xuyên (*)	41.280.858.535	-	-	-
UBND Xã Đạo	195.246.000	-	-	-
Phải thu khác	219.261.632	-	14.262.948	-
	47.694.466.167	-	7.021.675.193	-
b) Dài hạn				
UBND Xã Đạo Đức BQL đầu tư Xây dựng huyện Bình	187.300.000	-	441.580.000	-
	187.300.000	-	47.501.823.638	-

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (23,6ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	5.908.923.774	11.817.847.549	8.272.493.284
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.705.650.153	810.695.045	4.135.650.153	2.067.823.076
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	24.789.626.150	6.719.618.819	25.219.626.150	10.340.318.360

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Hàng mua đang đi đường	51.880.694.176	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	111.105.414.089	-	185.034.777.405	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở đang	7.197.313.123	-	5.808.059.358	-
Thành phẩm	244.720.842.250	-	145.093.253.644	-
	414.904.263.638	-	335.936.090.407	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	291.471.553.287	46.620.873.607
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Văn Canh	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City	282.897.007.833	38.046.328.153
	291.471.553.287	46.620.873.607

Thông tin chi tiết về các dự án:**(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Văn Canh**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ông Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Văn Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Văn Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD-SGDBDS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2021: Dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ông Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 23,6ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Thông tin pháp lý:
- + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
- + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
- + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- + Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đình chỉnh nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.295.441.201	69.825.000	22.365.266.201
Số dư cuối năm	22.295.441.201	69.825.000	22.365.266.201
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.636.047.466	69.825.000	4.705.872.466
- Khấu hao trong năm	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối năm	4.984.435.066	69.825.000	5.054.260.066
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.659.393.735	-	17.659.393.735
Tại ngày cuối năm	17.311.006.135	-	17.311.006.135

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.704.013.976 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.825.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	-	1.150.130.065
	-	1.150.130.065
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.352.759.377	5.529.223.973
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	5.040.000.000	2.880.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.652.709.280	8.982.355.573
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.379.107.985	6.743.552.421
Chi phí quảng cáo	960.181.054	1.623.760.468
Chi phí trả trước dài hạn khác	480.324.081	494.212.965
	15.865.081.777	26.253.105.400

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Báo cáo tài chính riêng**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	169.193.407.415		117.553.330.384		28.276.475.217		1.598.574.718		316.621.787.734	
- Mua trong năm	-		-		1.182.595.218		-		1.182.595.218	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(1.948.881.802)		-		(1.948.881.802)	
Số dư cuối năm	169.193.407.415		117.553.330.384		27.510.188.633		1.598.574.718		315.855.501.150	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	54.913.201.001		108.331.001.401		23.858.293.865		1.598.574.718		188.701.070.985	
- Khấu hao trong năm	7.757.639.269		2.772.216.084		1.826.888.971		-		12.356.744.324	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(1.535.710.688)		-		(1.535.710.688)	
Số dư cuối năm	62.670.840.270		111.103.217.485		24.149.472.148		1.598.574.718		199.522.104.621	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	114.280.206.414		9.222.328.983		4.418.181.352		-		127.920.716.749	
Tại ngày cuối năm	106.522.567.145		6.450.112.899		3.360.716.485		-		116.333.396.529	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 58.935.469.787 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 132.277.498.926 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	88.926.189.105	88.926.189.105	100.111.750.447	100.111.750.447
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	53.598.164.037	53.598.164.037	90.951.540.449	90.951.540.449
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	-	-	62.400.099.905	62.400.099.905
Posco Daewoo Corporation	34.541.717.363	34.541.717.363	-	-
Công ty CP Luyện Thép Cao Cấp Việt Nhật	32.072.515.200	32.072.515.200	-	-
Phải trả các đối tượng khác	114.016.951.688	114.016.951.688	102.089.778.009	102.089.778.009
	323.155.537.393	323.155.537.393	355.553.168.810	355.553.168.810

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	38.018.630	35.487.889
- Trích trước tiền điện	253.013.003	392.563.951
- Chi phí phải trả khác	659.000.000	809.000.000
	950.031.633	1.237.051.840

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	285.878.050	332.440.480
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.218.788	253.677.538
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	150.119.500	41.687.250
	665.216.338	627.805.268
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	118.671.488.786	3.221.901.250
	118.671.488.786	3.221.901.250
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	116.200.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(*) : Bao gồm 116,2 tỷ VNĐ tiền đặt cọc mua sản phẩm của dự án VietDuc Legend City.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VNG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	29.599.048.154	-	29.599.048.154	-	29.599.048.154	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-	31.675.349	-	31.675.349	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	13.276.298.988	-	14.952.431.770	-	22.895.713.673	-	-	-	-	5.333.017.085
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	109.794.459	-	2.468.502.390	-	2.505.488.100	-	-	-	-	72.808.749
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	12.848.000	-	12.848.000	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	-	6.006.511.280	-	6.006.511.280	-	-	-	-	-
Tiền sử dụng đất	-	-	-	-	222.294.087.741	-	222.294.087.741	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	-
Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	60.526.679	-	60.526.679	-	-	-	-	-
	-	-	13.386.093.447	-	275.428.631.363	-	283.408.898.976	-	-	-	-	5.405.825.834

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THẾP VIỆT - ĐÚC VỐ PIPE**Báo cáo tài chính riêng**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	274.638.097.273	274.638.097.273	2.592.361.584.975	2.517.660.054.565	349.339.627.683	349.339.627.683
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	199.662.125.282	199.662.125.282	1.885.537.874.718	1.830.400.000.000	254.800.000.000	254.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	74.975.971.991	74.975.971.991	581.033.590.524	585.069.934.832	70.939.627.683	70.939.627.683
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	-	-	125.790.119.733	102.190.119.733	23.600.000.000	23.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	282.638.097.273	282.638.097.273	2.600.361.584.975	2.525.660.054.565	357.339.627.683	357.339.627.683
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	23.300.000.000	23.300.000.000	-	8.000.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000
	23.300.000.000	23.300.000.000	-	8.000.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	15.300.000.000	15.300.000.000	-	7.300.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021:

TT	Bên cho vay/số hợp đồng	Hạn mức cho vay	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ vay tại 31/12/2021	Hình thức đảm bảo
I	Vay ngắn hạn						
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					254.800.000,000	
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/1509578/HĐTD ngày 19 tháng 04 năm 2021	500.000.000,000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng đến hết ngày 18/04/2022	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	254.800.000,000	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên					70.939.627,683	
2.1	Hợp đồng cấp tín dụng số 21.93.186/2021-HĐCVHM/NHVT262- ONG THEP VIET DUC ngày 30 tháng 11 năm 2021	200.000.000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 22/11/2022	Lãi suất điều chỉnh trên từng giấy nhận nợ	70.939.627,683	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế					23.600.000,000	
3.1	Hợp đồng tín dụng số 982135.21 ngày 29 tháng 04 năm 2021	150.000.000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng	Được xác định theo từng lần giải ngân	23.600.000,000	Tài sản đảm bảo
II	Vay dài hạn						
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên						
1	Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2019/1509578/HĐTD ngày 27/09/2019	42.000.000,000	Đầu tư tại nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	72 tháng, ngày giải ngân và ngày đáo hạn chính thức của từng khoản vay được xác định tại bảng kê rút vốn	Áp dụng lãi suất thả nổi	15.300.000,000 Trong đó, nợ phải trả trong 12 tháng tới là 8.000.000,000 VND	Tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Báo cáo tài chính riêng**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 - VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	421.115.890.000	69.835.386.699	32.003.265.614	1.959.882.008	78.920.485.781	603.834.910.102						
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	66.044.975.957	66.044.975.957						
Chia cổ tức	-	-	-	-	(29.478.112.300)	(29.478.112.300)						
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.302.248.798	-	(9.906.746.394)	(6.604.497.596)						
Số dư cuối năm trước	421.115.890.000	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	105.580.603.044	633.797.276.163						
Số dư đầu năm nay	421.115.890.000	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	105.580.603.044	633.797.276.163						
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	58.701.998.645	58.701.998.645						
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(42.111.589.000)	(42.111.589.000)						
Trích lập các quỹ (**)	-	-	-	-	(5.870.199.864)	(5.870.199.864)						
Số dư cuối năm nay	421.115.890.000	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	116.300.812.825	644.517.485.944						

(*) Công ty chia cổ tức theo tỷ lệ 10%/Mệnh giá cổ phiếu bằng tiền mặt tương đương 42.111.589.000 đồng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-DHĐCĐ-VGS ngày 16 tháng 04 năm 2021.

(**) Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ tài trợ - tài thiện với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-DHĐCĐ-VGS ngày 16 tháng 04 năm 2021 và quy định tại Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	32,06%	135.000.000.000	20,18%	85.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75%	45.250.000.000	10,75%	45.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,60%	23.585.200.000	5,60%	23.585.200.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24%	34.700.000.000	8,24%	34.700.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15%	21.700.000.000	5,15%	21.700.000.000
Các cổ đông khác	38,20%	160.880.690.000	50,08%	210.880.690.000
	100%	421.115.890.000	100%	421.115.890.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	421.115.890.000	421.115.890.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>421.115.890.000</i>	<i>421.115.890.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>421.115.890.000</i>	<i>421.115.890.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>253.677.538</i>	<i>229.823.323</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>42.111.589.000</i>	<i>29.478.112.300</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>42.111.589.000</i>	<i>29.478.112.300</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(42.136.047.750)</i>	<i>(29.454.258.085)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(42.136.047.750)</i>	<i>(29.454.258.085)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>229.218.788</i>	<i>253.677.538</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.111.589	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	42.111.589	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>42.111.589</i>	<i>42.111.589</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.111.589	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>42.111.589</i>	<i>42.111.589</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	35.305.514.412	35.305.514.412
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.959.882.008	1.959.882.008
	37.265.396.420	37.265.396.420

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.474,64	2.493,34

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.071.338.383.445	1.889.773.646.401
Doanh thu bán thành phẩm	1.905.785.820.446	2.170.171.390.283
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.264.444.027	11.652.265.362
	<u>3.989.388.647.918</u>	<u>4.071.597.302.046</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>	<u>8.573.044.712</u>	<u>89.039.745.378</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	8.711.176.512	17.599.121.906
Hàng bán bị trả lại	1.786.108.226	503.121.784
Giảm giá hàng bán	2.028.481	-
	<u>10.499.313.219</u>	<u>18.102.243.690</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.054.479.989.782	1.879.245.269.951
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.729.269.588.320	1.958.974.244.516
Giá vốn của dịch vụ đã bán	13.983.580.345	11.935.421.701
	<u>3.797.733.158.447</u>	<u>3.850.154.936.168</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	27.362.532	23.123.739
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	2.886.703
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	756.091.996	1.641.600
	<u>783.454.528</u>	<u>27.652.042</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.218.947.261	20.108.958.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.814.054	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	43.099	556.648
	<u>16.236.804.414</u>	<u>20.109.515.157</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.579.466.291	1.258.791.190
Chi phí nhân công	11.003.067.800	11.938.598.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.052.430.648	953.881.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.000.798.653	78.016.859.527
Chi phí khác bằng tiền	881.072.827	1.411.415.753
	<u>61.516.836.219</u>	<u>93.579.545.873</u>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.372.973.991	736.942.386
Chi phí nhân công	16.452.440.924	14.937.573.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.260.741.096	2.294.866.301
Thuế, phí, lệ phí	879.089.148	941.949.386
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	3.190.699.541	(17.869.824.408)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.034.225.246	2.740.136.728
Chi phí khác bằng tiền	2.794.914.338	2.999.854.082
	<u>30.985.084.284</u>	<u>6.781.498.355</u>

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	359.556.158	-
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	591.829.956	433.984.200
Thu nhập khác	13.063.598	50.473.650
	<u>964.449.712</u>	<u>484.457.850</u>

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khấu hao của ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	294.128.331	504.219.996
Tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	156.000.000	156.000.000
Các khoản bị phạt, truy thu	179.941.364	-
Chi phí khác	270.150	177.754
	<u>630.339.845</u>	<u>660.397.750</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.535.015.730	82.721.274.945
Các khoản điều chỉnh tăng	630.069.695	660.219.996
- Chi phí không hợp lệ	630.069.695	660.219.996
Thu nhập chịu thuế TNDN	74.165.085.425	83.381.494.941
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	14.833.017.085	16.676.298.988
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	119.414.685	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	13.276.298.988	7.287.956.935
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(22.895.713.673)	(10.687.956.935)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.333.017.085	13.276.298.988

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.754.220.590.578	1.886.963.888.315
Chi phí nhân công	52.542.664.224	56.255.093.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.411.003.593	12.854.975.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.633.735.560	101.661.512.768
Chi phí khác bằng tiền	10.773.238.043	6.385.852.034
	1.933.581.231.998	2.064.121.322.020

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.118.795.994	-	22.309.490.292	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	466.274.869.962	(18.070.007.331)	617.628.358.797	(14.879.307.790)
	480.393.665.956	(18.070.007.331)	639.937.849.089	(14.879.307.790)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	364.639.627.683	297.938.097.273
Phải trả người bán, phải trả khác	442.492.242.517	359.402.875.328
Chi phí phải trả	950.031.633	1.237.051.840
	808.081.901.833	658.578.024.441

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền	14.118.795.994	-	-	14.118.795.994
Phải thu khách hàng, phải thu khác	448.017.562.631	187.300.000	-	448.204.862.631
	462.136.358.625	187.300.000	-	462.323.658.625
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền	22.309.490.292	-	-	22.309.490.292
Phải thu khách hàng, phải thu khác	555.247.227.369	47.501.823.638	-	602.749.051.007
	577.556.717.661	47.501.823.638	-	625.058.541.299

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	357.339.627.683	7.300.000.000	-	364.639.627.683
Phải trả người bán, phải trả khác	323.820.753.731	118.671.488.786	-	442.492.242.517
Chi phí phải trả	950.031.633	-	-	950.031.633
	682.110.413.047	125.971.488.786	-	808.081.901.833
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	282.638.097.273	15.300.000.000	-	297.938.097.273
Phải trả người bán, phải trả khác	356.180.974.078	3.221.901.250	-	359.402.875.328
Chi phí phải trả	1.237.051.840	-	-	1.237.051.840
	640.056.123.191	18.521.901.250	-	658.578.024.441

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là **có thể kiểm soát được**. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	8.573.044.712	89.039.745.378
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	8.573.044.712	89.039.745.378
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	86.172.272	126.660.000
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	86.172.272	126.660.000
Nhận ký quỹ, ký cược	116.200.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	46.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhi	70.200.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	18.128.995.246
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	18.128.995.246
Nhận ký quỹ, ký cược	116.200.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	46.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhi	70.200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc		
Ông Lê Minh Hải	448.000.000	552.600.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	400.000.000	504.600.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	400.000.000	504.600.000
Ông Nguyễn Vĩnh Tuyên	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Vi Anh Tú	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Văn Hiệu	24.000.000	24.000.000

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-38

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Ủy viên
Ông Bùi Văn Hiệu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban
Ông Lê Quý Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Số: 240322.007 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 10 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue handwritten signature, likely belonging to the auditor.

Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.486.204.543.938	1.304.532.876.887
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	55.640.847.460	23.989.910.060
111	1. Tiền		55.640.847.460	23.989.910.060
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		801.230.309.537	808.493.357.229
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	746.020.611.755	793.158.137.806
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.882.275.107	11.645.725.635
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	54.397.430.006	18.568.801.578
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.070.007.331)	(14.879.307.790)
140	IV. Hàng tồn kho	9	621.519.020.895	463.649.575.458
141	1. Hàng tồn kho		621.519.020.895	463.649.575.458
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.814.366.046	8.400.034.140
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	-	1.150.130.065
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.812.912.084	7.249.904.075
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.453.962	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		594.099.046.674	400.566.232.271
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.300.000	47.501.823.638
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	47.501.823.638
220	II. Tài sản cố định		147.143.747.737	160.005.857.370
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	129.832.741.602	142.346.463.635
222	- Nguyên giá		488.591.824.014	486.918.110.598
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(358.759.082.412)	(344.571.646.963)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	17.311.006.135	17.659.393.735
228	- Nguyên giá		22.398.866.201	22.398.866.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.087.860.066)	(4.739.472.466)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	291.471.553.287	46.620.873.607
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		291.471.553.287	46.620.873.607
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	139.431.363.873	119.238.508.277
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		139.431.363.873	119.238.508.277
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.865.081.777	27.199.169.379
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.865.081.777	27.199.169.379
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.080.303.590.612	1.705.099.109.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.247.155.453.662	947.935.955.665
310	I. Nợ ngắn hạn		1.121.183.964.876	929.414.054.415
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	547.167.248.611	469.128.027.413
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.069.280.446	649.768.506
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	11.339.824.634	16.893.888.498
314	4. Phải trả người lao động		13.774.787.185	12.103.501.095
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.886.180.597	2.653.446.988
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.517.114.775	2.517.879.954
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	992.916.814	785.542.452
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	510.719.627.683	384.220.811.140
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		32.716.984.131	40.461.188.369
330	II. Nợ dài hạn		125.971.488.786	18.521.901.250
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	118.671.488.786	3.221.901.250
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	7.300.000.000	15.300.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		833.148.136.950	757.163.153.493
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	833.148.136.950	757.163.153.493
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		421.115.890.000	421.115.890.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		421.115.890.000	421.115.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		46.231.130.144	43.728.699.692
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.378.958.843	7.876.528.392
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		285.464.402.959	214.512.450.354
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		172.400.861.355	127.126.695.463
421b	LNST chưa phân phối năm nay		113.063.541.604	87.385.754.891
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		122.368.305	94.198.356
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.080.303.590.612	1.705.099.109.158



Vũ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	6.694.120.793.415	6.695.049.168.899
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	10.533.709.113	25.329.442.793
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.683.587.084.302	6.669.719.726.106
11	4. Giá vốn hàng bán	23	6.420.456.990.308	6.408.993.090.043
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		263.130.093.994	260.726.636.063
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	809.126.793	155.037.343
22	7. Chi phí tài chính	25	26.055.505.390	30.357.546.342
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>26.037.600.012</i>	<i>30.325.102.468</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		20.192.855.596	8.654.982.440
25	9. Chi phí bán hàng	26	68.979.062.079	104.897.745.033
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	32.654.665.201	9.486.585.120
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		156.442.843.713	124.794.779.351
31	12. Thu nhập khác	28	982.522.044	519.662.008
32	13. Chi phí khác	29	1.005.585.209	685.338.020
40	14. Lợi nhuận khác		(23.063.165)	(165.676.012)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		156.419.780.548	124.629.103.339
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	27.445.017.329	21.670.804.867
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		128.974.763.219	102.958.298.472
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		128.943.463.276	102.940.637.009
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		31.299.943	17.661.463
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.804	2.221


Vũ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		156.419.780.548	124.629.103.339
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.071.533.737	21.727.419.025
03	- Các khoản dự phòng		3.190.699.541	(17.869.824.408)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		91.324	543.564
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.591.806.773)	(8.697.405.580)
06	- Chi phí lãi vay		26.037.600.012	30.325.102.468
07	- Các khoản điều chỉnh khác		348.275.375	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		181.476.173.764	150.114.938.408
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		57.439.475.598	111.328.217.195
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(157.869.445.437)	(45.830.990.298)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		189.569.718.923	123.593.585.216
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		12.484.217.667	12.529.059.342
14	- Tiền lãi vay đã trả		(26.035.069.271)	(30.327.306.294)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(32.627.081.686)	(14.786.866.125)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.960.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.628.355.000)	(2.675.696.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		205.815.594.558	303.944.940.944
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(251.339.456.918)	(8.997.164.739)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		772.727.272	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.395.019	42.423.140
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(250.527.334.627)	(8.954.741.599)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.830.958.871.109	4.364.172.671.241
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4.712.460.054.566)	(4.619.123.700.191)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(42.136.047.750)	(29.454.258.085)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		76.362.768.793	(284.405.287.035)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		31,651,028,724	10,584,912,310
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23,989,910,060	13,405,541,314
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(91,324)	(543,564)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>55,640,847,460</u>	<u>23,989,910,060</u>



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 421.115.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 421.115.890.000 đồng; tương đương 42.111.589 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 342 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 346 người).

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 96 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 88 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt trắng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, hệ thống tưới đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức. Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con là 99,94%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuận đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuận.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu có phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các chế độ vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m² đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tại chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần với giá trị lớn. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, tối đa không quá 3 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khên thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do Công ty mẹ và công ty con chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	614,203,068	553,866,375
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55,026,644,392	23,436,043,685
	55,640,847,460	23,989,910,060

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2021			01/01/2021		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	28,60%	28,60%	139.431.363.873	28,60%	28,60%	119.238.508.277
			139.431.363.873			119.238.508.277

Công ty liên kết có địa chỉ trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Phúc. Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm xem thuyết minh số 35.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần XNK và Thương mại Tổng hợp Miền Bắc	155.389.379.570	-	315.480.693.769	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	289.408.642.774	-	81.539.278.090	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	42.712.017.846	-	51.174.967.251	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	104.027.197.383	-	121.004.090.840	-
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	34.581.413.350	-	64.035.973.100	-
Phải thu khách hàng khác	119.901.960.832	(18.070.007.331)	159.923.134.756	(14.879.307.790)
	746.020.611.755	(18.070.007.331)	793.158.137.806	(14.879.307.790)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	-	-	18.128.995.246	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và Sản Xuất Minh Khánh	4.848.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Quang Minh	1.137.000.000	-	1.137.000.000	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	6.891.513.354	-	5.394.256.677	-
Công ty cổ phần Nghệ thuật Nguyễn Việt Thanh	2.502.500.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	3.503.261.753	-	5.114.468.958	-
	18.882.275.107	-	11.645.725.635	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	239.100.000	-	3.637.412.245	-
Ký cược, ký quỹ	12.362.000.000	-	14.727.000.000	-
BQL đầu tư Xây dựng huyện Bình Xuyên (*)	41.280.858.535	-	-	-
UBND Xã Đạo Đức (*)	195.246.000	-	-	-
Phải thu khác	320.225.471	-	204.389.333	-
	54.397.430.006	-	18.568.801.578	-
b) Dài hạn				
Phải thu UBND Huyện Bình Xuyên	187.300.000	-	441.580.000	-
BQL đầu tư Xây dựng huyện Bình Xuyên	-	-	47.060.243.638	-
	187.300.000	-	47.501.823.638	-

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (23,6ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	5.908.923.774	11.817.847.549	8.272.493.284
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.705.650.153	810.695.045	4.135.650.153	2.067.825.076
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	24.789.626.150	6.719.618.819	25.219.626.150	10.340.318.360

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	51.880.694.176	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	220.930.066.445	-	308.913.144.255	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.781.095.036	-	8.093.009.471	-
Thành phẩm	340.927.165.238	-	146.643.421.732	-
	621.519.020.895	-	463.649.575.458	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	291.471.553.287	46.620.873.607
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Văn Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City ⁽²⁾	282.897.007.833	38.046.328.153
	291.471.553.287	46.620.873.607

Thông tin chi tiết về các dự án:

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Văn Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ông Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Văn Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Văn Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/SGDBDS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2021: Dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty CP Ông Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 23,6ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn I với diện tích 23,6ha.
 - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đình chính nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn I cho Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
Số dư cuối năm	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.636.047.466	103.425.000	4.739.472.466
- Khấu hao trong năm	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối năm	4.984.435.066	103.425.000	5.087.860.066
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.659.393.735	-	17.659.393.735
Tại ngày cuối năm	17.311.006.135	-	17.311.006.135

Trong đó, giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đảm bảo các khoản vay: 11.704.013.976 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THIẾP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	201.204.389.774	247.419.538.793	36.695.607.313	1.598.574.718	486.918.110.598					
- Mua trong năm	-	2.440.000.000	1.182.595.218	-	3.622.595.218					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.948.881.802)	-	(1.948.881.802)					
Số dư cuối năm	201.204.389.774	249.859.538.793	35.929.320.729	1.598.574.718	488.591.824.014					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	77.486.502.467	238.190.482.537	27.296.087.241	1.598.574.718	344.571.646.963					
- Khấu hao trong năm	9.797.541.072	2.772.216.084	3.153.388.981	-	15.723.146.137					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.535.710.688)	-	(1.535.710.688)					
Số dư cuối năm	87.284.043.539	240.962.698.621	28.913.765.534	1.598.574.718	358.759.082.412					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	123.717.887.307	9.229.056.256	9.399.520.072	-	142.346.463.635					
Tại ngày cuối năm	113.920.346.235	8.896.840.172	7.015.855.195	-	129.832.741.602					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 58.935.469.787 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 257.087.498.190 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	-	1.150.130.065
	-	1.150.130.065
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.352.759.377	5.529.223.973
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	5.040.000.000	2.880.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.652.709.280	8.982.355.573
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.379.107.985	7.689.616.400
Chi phí quảng cáo	960.181.054	1.623.760.468
Chi phí trả trước dài hạn khác	480.324.081	494.212.965
	15.865.081.777	27.199.169.379

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	53.598.164.037	53.598.164.037	90.951.540.449	90.951.540.449
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	90.421.059.389	90.421.059.389	100.111.750.447	100.111.750.447
Công ty TNHH Thép Nam Châu	105.944.663.231	105.944.663.231	20.129.886.491	20.129.886.491
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	-	-	117.442.204.805	117.442.204.805
Công ty TNHH Thương Mại Khánh Dự	31.992.059.550	31.992.059.550	15.902.026.250	15.902.026.250
Posco Daewoo Corporation	34.541.717.363	34.541.717.363	-	-
Công ty CP Luyện Thép Cao Cấp Việt Nhật	32.072.515.200	32.072.515.200	-	-
Phải trả các đối tượng khác	198.597.069.841	198.597.069.841	124.590.618.971	124.590.618.971
	547.167.248.611	547.167.248.611	469.128.027.413	469.128.027.413

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VNG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	679.664.222	53.867.220.665	54.546.884.887	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	230.106.936	230.106.936	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	16.100.804.867	27.793.292.704	32.627.081.686	-	-	-	-	-	-	11.267.015.885	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	113.419.409	2.512.801.860	2.554.866.482	-	-	-	-	-	-	1.453.962	72.808.749
Thuế Tài nguyên	-	-	12.848.000	12.848.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	6.239.844.613	6.239.844.613	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền sử dụng đất	-	-	222.294.087.741	222.294.087.741	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.800.000	10.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	199.757.989	199.757.989	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	16.893.888.498	313.160.760.508	318.716.278.334	-	-	1.453.962	11.339.824.634	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí tài vay	38.018.630	35.487.889
- Trích trước tiền điện	1.189.161.967	1.808.959.099
- Chi phí phải trả khác	659.000.000	809.000.000
	1.886.180.597	2.653.446.988

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	574.805.542	450.999.680
- Bảo hiểm bắt buộc	48.119.500	8.255.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	256.718.788	281.177.538
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	113.272.984	45.110.034
	992.916.814	785.542.452
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	118.671.488.786	3.221.901.250
	118.671.488.786	3.221.901.250
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>	116.227.500.000	27.500.000

(*): Bao gồm 116,2 tỷ VND tiền đặt cọc mua sản phẩm của dự án VietDuc Legend City.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐÚC VIG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số cổ khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số cổ khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn ngân hàng	376.220.811.140	376.220.811.140	4.838.958.871.109	4.704.460.054.566	502.719.627.683	502.719.627.683
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	301.244.839.149	301.244.839.149	3.792.255.160.852	3.755.900.000.001	337.600.000.000	337.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	74.975.971.991	74.975.971.991	912.913.590.524	846.369.934.832	141.519.627.683	141.519.627.683
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	125.790.119.733	102.190.119.733	23.600.000.000	23.600.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	384.220.811.140	384.220.811.140	4.838.958.871.109	4.712.460.054.566	510.719.627.683	510.719.627.683
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	23.300.000.000	23.300.000.000	-	8.000.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000
	23.300.000.000	23.300.000.000	-	8.000.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	15.300.000.000	15.300.000.000			7.300.000.000	7.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC V.G PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021:

YT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2021	Hình thức bảo đảm
I	Vay ngắn hạn					502.719.627.683	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					337.600.000.000	
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/1509578/HETD ngày 19 tháng 04 năm 2021	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng đến hết ngày 18/04/2022	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	254.800.000.000	Tài sản đảm bảo
1.2	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/1853346/HETD ngày 19 tháng 04 năm 2021	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng, đến hết ngày 19/04/2022	Quy định trên từng Giấy nhận nợ và điều chỉnh theo Thông báo	82.800.000.000	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên					141.519.627.683	
2.1	Hợp đồng cấp tín dụng số 21.93.186/2021- HDCVHM/NHVT262- ONG THEP VIET DUC ngày 30 tháng 11 năm 2021	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 22/11/2022	Là lãi suất điều chỉnh trên từng giấy nhận nợ	70.939.627.683	Tài sản đảm bảo
2.2	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 21.93.0091-HDCVHM/NHCT262 - THEP VIET DUC	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng, đến hết ngày 24/06/2022	Quy định trên từng Giấy nhận nợ và điều chỉnh theo Thông báo	70.580.000.000	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế					23.600.000.000	
3.1	Hợp đồng tín dụng số 9821355.21 ngày 29 tháng 04 năm 2021	150.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng	Được xác định theo từng lần giải ngân	23.600.000.000	Tài sản đảm bảo
II	Vay dài hạn					15.300.000.000	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					15.300.000.000	
1	Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2019/1509578/HETD ngày 27/09/2019	42.000.000.000	Dầu tư tại nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	15.300.000.000	Tài sản đảm bảo
						Trong đó, nợ phải trả trong 12 tháng tới là 8.000.000.000 VND.	

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THEP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	421.115.890.000	69.835.386.699	39.014.416.963	6.464.494.460		156.604.807.764	78.303.039	693.113.298.925						
Lãi lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	102.940.637.009	17.661.463	102.958.298.472						
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(29.478.112.300)	-	(29.478.112.300)						
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ (*)	-	-	3.302.248.798	-	-	(9.906.746.394)	-	(6.604.497.596)						
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	1.412.033.931	1.412.033.931	-	(5.648.135.724)	(1.766.146)	(2.825.834.008)						
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1)	-	-						
Số dư cuối năm trước	421.115.890.000	69.835.386.699	43.728.699.692	7.876.528.392	1	214.512.450.354	94.198.356	757.163.153.493						
Số dư đầu năm nay	421.115.890.000	69.835.386.699	43.728.699.692	7.876.528.392		214.512.450.354	94.198.356	757.163.153.493						
Lãi lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	128.943.463.276	31.299.943	128.974.763.219						
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ (*)	-	-	-	-	-	(47.981.788.864)	-	(47.981.788.864)						
Phân phối lợi nhuận tại công ty con (**)	-	-	2.502.430.452	2.502.430.452	-	(10.009.721.808)	(3.129.994)	(5.007.990.898)						
Giảm khác	-	-	-	(1)	(1)	-	-	-						
Số dư cuối năm nay	421.115.890.000	69.835.386.699	46.231.130.144	10.378.958.843	1	285.464.402.959	122.368.305	833.148.136.950						

(*) Công ty chia cổ tức theo tỷ lệ 10%/Mệnh giá cổ phiếu bằng tiền mặt tương đương 42.111.589.000 đồng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-DHĐCD-VGS ngày 16 tháng 04 năm 2021 Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ hỗ trợ - từ thiện với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-DHĐCD-VGS ngày 16 tháng 04 năm 2021 và Điều lệ Công ty.

(**) Căn cứ theo điều lệ, Công ty con trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2020 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 2.503.995.449 đồng (tương đương 5% lợi nhuận sau thuế);
- Trích Quỹ đầu khác thuộc Vốn chủ sở hữu số tiền: 2.503.995.449 đồng (tương đương 5% lợi nhuận sau thuế);
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền: 5.007.990.898 đồng (tương đương 10% lợi nhuận sau thuế);

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	32,06%	135.000.000.000	20,18%	85.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75%	45.250.000.000	10,75%	45.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,60%	23.585.200.000	5,60%	23.585.200.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24%	34.700.000.000	8,24%	34.700.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15%	21.700.000.000	5,15%	21.700.000.000
Các cổ đông khác	38,20%	160.880.690.000	50,08%	210.880.690.000
	100%	421.115.890.000	100%	421.115.890.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	421.115.890.000	421.115.890.000
- Vốn góp đầu năm	421.115.890.000	421.115.890.000
- Vốn góp cuối năm	421.115.890.000	421.115.890.000
- Cổ tức, lợi nhuận phát trả đầu năm	281.177.538	257.323.323
- Cổ tức, lợi nhuận phát trả trong năm	42.111.589.000	29.478.112.300
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	42.111.589.000	29.478.112.300
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(42.136.047.750)	(29.454.258.085)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(42.136.047.750)	(29.454.258.085)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	256.718.788	281.177.538

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.111.589	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	42.111.589	42.111.589
- Cổ phiếu phổ thông	42.111.589	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.111.589	42.111.589
- Cổ phiếu phổ thông	42.111.589	42.111.589
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	46.231.130.144	43.728.699.692
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.378.958.843	7.876.528.392
	56.610.088.987	51.605.228.084

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.562,08	2.593,98

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.259.831.209.355	2.843.692.749.342
Doanh thu bán thành phẩm	3.422.025.140.033	3.839.704.154.195
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.264.444.027	11.652.265.362
	<u>6.694.120.793.415</u>	<u>6.695.049.168.899</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u>8.573.044.712</u>	<u>89.039.745.378</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	8.711.176.512	24.630.763.829
Hàng bán bị trả lại	1.786.108.226	503.121.784
Giảm giá hàng bán	36.424.375	195.557.180
	<u>10.533.709.113</u>	<u>25.329.442.793</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.225.308.575.988	2.828.842.428.404
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.181.164.833.975	3.568.215.239.938
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.983.580.345	11.935.421.701
	<u>6.420.456.990.308</u>	<u>6.408.993.090.043</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	39.395.019	42.423.140
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	13.639.778	5.086.703
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	756.091.996	107.514.416
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	13.084
	<u>809.126.793</u>	<u>155.037.343</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.037.600.012	30.325.102.468
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.814.054	31.887.226
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	91.324	556.648
	<u>26.055.505.390</u>	<u>30.357.546.342</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.579.466.291	1.258.791.190
Chi phí nhân công	13.027.469.367	14.449.630.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.178.930.658	1.206.881.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.235.106.272	86.453.717.245
Chi phí khác bằng tiền	958.089.491	1.528.724.934
	68.979.062.079	104.897.745.033

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.373.473.991	736.942.386
Chi phí nhân công	17.267.274.105	16.039.336.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.425.422.940	2.459.548.145
Thuế, phí, lệ phí	1.288.015.318	1.060.892.888
Chi phí dự phòng hoàn nhập dự phòng	3.190.699.541	(17.869.824.408)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.213.977.968	4.039.505.935
Chi phí khác bằng tiền	2.895.801.338	3.020.184.082
	32.654.665.201	9.486.585.120

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	359.556.158	-
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	603.099.047	433.984.200
Thu nhập khác	19.866.839	85.677.808
	982.522.044	519.662.008

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khấu hao của ô tô cơ nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	294.128.331	504.219.996
Tiền thù lao HDQT, BKS	156.000.000	156.000.000
Các khoản bị phạt, truy thu	548.033.364	-
Chi phí khác	7.423.514	25.118.024
	1.005.585.209	685.338.020

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	14.833.017.085	16.676.298.988
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Thép Việt Đức	12.612.000.244	4.994.505.879
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.445.017.329	21.670.804.867
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	348.275.375	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	16.100.804.867	9.216.866.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	<i>(32.627.081.686)</i>	<i>(14.786.866.125)</i>
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	11.267.015.885	16.100.804.867

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	128.943.463.276	102.940.637.009
Các khoản điều chỉnh	<i>(10.875.060.768)</i>	<i>(9.420.522.416)</i>
- <i>Quy khon thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	<i>(10.875.060.768)</i>	<i>(9.420.522.416)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	118.068.402.508	93.520.114.593
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	42.111.589	42.111.589
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.804	2.221

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.238.517.617.559	3.458.783.734.114
Chi phí nhân công	66.457.032.363	73.122.027.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.777.405.406	21.223.199.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.443.193.379	122.738.661.937
Chi phí khác bằng tiền	11.428.022.423	6.642.434.717
3.487.623.271.130	3.682.510.057.440	

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.640.847.460	-	23.989.910.060	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	800.605.341.761	(18.070.007.331)	859.228.763.022	(14.879.307.790)
	856.246.189.221	(18.070.007.331)	883.218.673.082	(14.879.307.790)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			518.019.627.683	399.520.811.140
Phải trả người bán, phải trả khác			666.831.654.211	473.135.471.115
Chi phí phải trả			1.886.180.597	2.653.446.988
			1.186.737.462.491	875.309.729.243

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.640.847.460	-	-	55.640.847.460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	782.348.034.430	187.300.000	-	782.535.334.430
	837.988.881.890	187.300.000	-	838.176.181.890
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.989.910.060	-	-	23.989.910.060
Phải thu khách hàng, phải thu khác	796.847.631.594	47.501.823.638	-	844.349.455.232
	820.837.541.654	47.501.823.638	-	868.339.365.292

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	510.719.627.683	7.300.000.000	-	518.019.627.683
Phải trả người bán, phải trả khác	548.160.165.425	118.671.488.786	-	666.831.654.211
Chi phí phải trả	1.886.180.597	-	-	1.886.180.597
	1.060.765.973.705	125.971.488.786	-	1.186.737.462.491
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	384.220.811.140	15.300.000.000	-	399.520.811.140
Phải trả người bán, phải trả khác	469.913.569.865	3.221.901.250	-	473.135.471.115
Chi phí phải trả	2.653.446.988	-	-	2.653.446.988
	856.787.827.993	18.521.901.250	-	875.309.729.243

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là **có thể kiểm soát được**. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	8.573.044.712	89.039.745.378
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	8.573.044.712	89.039.745.378
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	86.172.272	301.157.588
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	86.172.272	126.660.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	-	174.497.588

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược	116.200.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	46.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhi	70.200.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	18.128.995.246
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	18.128.995.246
Nhận ký quỹ, ký cược	116.200.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	46.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhi	70.200.000.000	-
Phải trả khác	27.500.000	27.500.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	13.750.000	13.750.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	13.750.000	13.750.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc		
Ông Lê Minh Hải	448.000.000	552.600.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	400.000.000	504.600.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	400.000.000	504.600.000
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Vi Anh Tú	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Văn Hiệu	24.000.000	24.000.000

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc



ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE.J.S.C

TRỤ SỞ CHÍNH (Head quarter)

- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Vĩnh Phúc/Binhxuyen Industrial Zone, VĩnhPhuc Province
- Tel: +84 (0211) 3887 863 * Fax: +84 (0211) 3887 912
- Website: www.vgpipe.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI (Hanoi representative office)

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà SIMCO, đường Phạm Hùng, Hà Nội (3th floor, SIMCO building, Phamhung street, Hanoi)
- Tel: +84 (04) 3785 0088 * Fax: +84 (04) 3785 0066

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐÀ NẴNG (Danang representative office)

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng (1A Road, Hoa Vang district)
- Tel: +84 (0511) * Fax: +84 (0511)

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI MIỀN NAM (Southern representative office)

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Bến Lức, Long An/Ben Luc, Long An province
- Tel: +84 (0272) 3644 199 * Fax: +84 (0272) 3644 196